

Số: 47/NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1667/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Khánh Hòa năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch vùng duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

Căn cứ Kết luận số 189-KL/TU ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 13 tháng 5 năm 2026 và Văn bản số 1318-CV/TU ngày 26 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Tỉnh ủy về chủ trương định hướng về điều chỉnh quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 7474/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 56/BC-BKTNS ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Báo cáo số 195/BC-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi, ranh giới điều chỉnh quy hoạch tỉnh Khánh Hòa bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền với diện tích 8.706,75 km² và không gian biển của tỉnh Khánh Hòa sau khi tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh, gồm 65 đơn vị hành chính cấp xã (48 xã, 16 phường và 01 đặc khu) theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Luật Biển Việt Nam năm 2012 và Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của

Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo.

II. Quan điểm, mục tiêu và các đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

1.1. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với chủ trương phát triển của Đảng và Nhà nước; thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quy hoạch ngành quốc gia, chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, bảo đảm dân chủ, tuân thủ, liên tục, kế thừa, ổn định, phù hợp với quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng.

1.2. Phát triển tỉnh Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, cực tăng trưởng cao của quốc gia và có tầm quan trọng đặc biệt chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển, đảo của Tổ quốc; là đầu mối kết nối vùng, cửa ngõ kết nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên với các tuyến hàng hải quốc gia và quốc tế, hình thành không gian liên kết “Biển - Cao nguyên” lấy trục Nha Trang - Đà Lạt làm hạt nhân để phát triển hành lang du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và logistics nông sản giá trị cao.

1.3. Phát triển tỉnh Khánh Hòa theo hướng tái cơ cấu kinh tế, đổi mới sáng tạo dựa trên lợi thế so sánh, sáu lĩnh vực tăng trưởng, bao gồm: (1) Du lịch và cuộc sống chất lượng, định vị tỉnh là điểm đến ven biển cao cấp cho du khách và cư dân lưu trú dài ngày; (2) Đổi mới sáng tạo Trí tuệ nhân tạo (AI), thiết lập cơ sở hạ tầng trung tâm dữ liệu và dịch vụ kỹ thuật số như một công cụ hỗ trợ xuyên suốt trên tất cả các lĩnh vực; (3) Sản xuất Công nghệ Hàng hải, thúc đẩy công nghệ hàng hải lưỡng dụng và các dịch vụ hàng hải giải trí, bên cạnh việc thúc đẩy các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ cao và phát triển xanh; (4) Hệ thống năng lượng mới, tận dụng các nguồn năng lượng mặt trời và gió cùng với điện hạt nhân để tiên phong trong quá trình chuyển đổi năng lượng sạch của Việt Nam; (5) Chế biến giá trị cao, thúc đẩy các ngành công nghiệp chế biến, nâng cấp hạ tầng chế biến sản phẩm sinh học biển và nông sản thông qua xây dựng thương hiệu, tích hợp chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ sinh học; và (6) Hạ tầng và kết nối chiến lược, xây dựng hệ thống giao thông – logistics – đô thị tích hợp, tăng cường liên kết nội tỉnh và liên vùng, làm nền tảng kích hoạt các cực tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn. Thúc đẩy phát triển đột phá khu vực ven biển, phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng và miền núi. Đẩy mạnh đô thị hóa đi đôi với phát triển hài hòa, bảo đảm kết nối đô thị - nông thôn;

sử dụng hiệu quả không gian biển gắn với khu vực đất liền; hình thành hành lang kinh tế kết nối không gian phát triển và tăng cường hiệu ứng lan tỏa, tham gia vào các hành lang kinh tế quan trọng của quốc gia. Đảm bảo nguồn lực và cơ chế phát triển cho khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực ven biển và phía Tây của tỉnh.

1.4. Phát triển dựa trên các nguyên tắc cốt lõi là đổi mới kỹ thuật số, phát triển khu vực tư nhân, chuyên giao công nghệ và phát triển bền vững, theo đó công nghệ số được lồng ghép một cách có hệ thống trong các hoạt động kinh tế và quản trị; khu vực kinh tế nhà nước được phát triển theo định hướng là thành phần đặc biệt quan trọng của nền kinh tế; khu vực tư nhân được định vị là động lực chính cho đầu tư, đổi mới sáng tạo và tạo việc làm; thúc đẩy chuyển giao công nghệ trong nước và quốc tế để đẩy nhanh việc nâng cao năng lực và tăng năng suất; và phát triển bền vững được tích hợp trong suốt quá trình lập kế hoạch, đầu tư và thực hiện để đảm bảo khả năng chống chịu lâu dài về kinh tế, xã hội và môi trường. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, kinh tế dữ liệu và chuyển đổi số là động lực then chốt, góp phần chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên nâng cao năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

1.5. Sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, nhất là tài nguyên biển; bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, và lồng ghép mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (Net Zero) vào các ngành, lĩnh vực nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản, truyền thống, lịch sử; xác lập con người là chủ thể, trung tâm và mục tiêu của sự phát triển, trong đó giá trị văn hóa, bản sắc và khát vọng phát triển của con người Khánh Hòa là nền tảng tinh thần và nguồn lực nội sinh quan trọng cho phát triển bền vững.

1.6. Tạo đột phá trong phát triển kết cấu hạ tầng, hoàn thiện thể chế để huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, trong đó nội lực là nền tảng, ngoại lực là đột phá; cơ cấu hài hòa giữa các động lực phát triển; khơi dậy và phát huy tối đa yếu tố con người, truyền thống cách mạng, tinh thần chủ động, sáng tạo, ý thức tự cường, khát vọng của nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

1.7. Lồng ghép chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự xã hội; trong đó đảm bảo quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ chiến lược, trọng yếu, phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Đẩy mạnh xây dựng và phát triển vùng biển, hải đảo, trong đó có đặc khu Trường Sa là pháo đài bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia, là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội trên biển của cả nước; mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động hội nhập quốc tế để tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; trung tâm dịch vụ, du lịch biển quốc tế; trung tâm dữ liệu của quốc gia và khu vực; tăng trưởng kinh tế hai con số, là một cực tăng trưởng cao của cả nước. Kết cấu hạ tầng được đầu tư đồng bộ, hiện đại. Hệ thống đô thị phát triển theo hướng hiện đại, thông minh, bền vững, giàu bản sắc với một số đô thị đạt đẳng cấp quốc tế. Nhân dân được hưởng thụ mức sống cao, hiền hòa và hạnh phúc. Hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên được bảo vệ; có năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

2.2. Mục tiêu cụ thể

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2026-2030 đạt 11 - 12%/năm; trong đó: Nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,17%/năm, Công nghiệp - xây dựng tăng 15,4%/năm; Dịch vụ tăng 10,3%/năm. Cơ cấu kinh tế đến năm 2030: Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 8,5%; Công nghiệp - xây dựng chiếm 45%; Dịch vụ 40,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 6%;

- GRDP bình quân đầu người hàng năm tăng 14%.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP năm 2030 đạt 35%.

- Tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt trên 55%.

- Tốc độ tăng năng suất lao động (giá so sánh) bình quân hàng năm đạt 11%.

- Tổng thu ngân sách nhà nước tăng bình quân hàng năm 12%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 1.050 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm trên 20%, gấp 2,1 lần so với giai đoạn 2021 - 2025.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt 70%.

b) Về phát triển xã hội:

- Chỉ số phát triển con người (HDI) phấn đấu đạt khoảng 0,8.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm%/năm.

- Lao động: Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%, trong đó 40% có bằng cấp, chứng chỉ, giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp xuống dưới 20%

- Tuổi thọ trung bình là 75,5 năm; thời gian sống khỏe mạnh (tính bằng năm) đạt 68 tuổi vào năm 2030.

- Tiến tới bao phủ bảo hiểm y tế cho toàn dân vào năm 2030.

- Mật độ giường bệnh đạt 40 giường/10.000 dân, mật độ bác sĩ đạt 14 bác sĩ/10.000 dân.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2030 đạt 47%;

- Đến năm 2030, tỷ lệ dân số được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh đạt 100%, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 100%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 90,2%.

- Đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 100%, tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 100%.

3. Các đột phá phát triển

3.1. Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số là động lực trung tâm của tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững trong giai đoạn phát triển mới; ưu tiên phát triển hạ tầng số, dữ liệu hiện đại, chính quyền số, đô thị thông minh; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng, triển khai các công nghệ chiến lược phù hợp với lợi thế của tỉnh, bao gồm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ đại dương, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng và thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp cùng với hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo năng động để nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh.

3.2. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng số, hạ tầng hỗ trợ khu kinh tế, khu công nghiệp; ưu tiên các dự án xúc tác có tính liên kết cao, liên kết liên vùng, liên ngành mạnh mẽ gắn với các cực tăng trưởng, trụ cột kinh tế trọng điểm, từ đó loại bỏ điểm nghẽn trong cơ sở hạ tầng, mở rộng không gian phát triển và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên tổng thể.

3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và duy trì tăng trưởng kinh tế hai chữ số; đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo và dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động và các ngành kinh tế ưu tiên; đồng thời xây dựng cơ chế, chính sách mạnh mẽ thu hút, giữ chân và sử dụng hiệu quả nhân tài, chuyên gia, nhà khoa học và đội ngũ lãnh đạo có tư duy đổi mới, trách nhiệm cao.

3.4. Giải quyết dứt điểm các dự án kéo dài, chậm tiến độ và kém hiệu quả thông qua rà soát toàn diện, phân loại và xây dựng phương án xử lý phù hợp cho từng dự án trên cơ sở trách nhiệm, tiến độ và kết quả rõ ràng; kiên quyết tháo gỡ các vướng mắc pháp lý, đất đai và đầu tư để đưa các dự án đủ điều kiện vào vận hành hiệu quả, qua đó khơi thông nguồn lực và hạn chế lãng phí trong phát triển kinh tế - xã hội.

3.5. Cải cách và nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công bằng việc cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên; thực hiện phân bổ vốn cho các dự án đầu tư công theo kết quả đầu

ra, gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư công theo quy định của Trung ương. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội.

3.6. Tập trung phát triển kinh tế vào các lĩnh vực Khánh Hòa có lợi thế cạnh tranh và tiềm năng tăng trưởng mạnh trong tương lai, gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; ưu tiên các lĩnh vực mũi nhọn, thúc đẩy tăng trưởng như công nghiệp, năng lượng, du lịch và dịch vụ, phát triển đô thị và xây dựng; từng bước chuyển đổi lợi thế so sánh thành lợi thế cạnh tranh bền vững để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế dài hạn.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Khánh Hòa là một trung tâm kinh tế biển lớn của cả nước; là đô thị thông minh, thân thiện với môi trường, bản sắc, ngang tầm khu vực châu Á; phấn đấu trở thành một trong những đô thị ven biển thu hút khách du lịch và có môi trường đáng sống hàng đầu của châu Á với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại. Các hoạt động kinh tế, xã hội và quản trị của chính quyền vận hành chủ yếu theo phương thức của nền kinh tế số, xã hội số. Các ngành sản xuất, dịch vụ phát triển theo phương thức thông minh với các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Các lĩnh vực xã hội phát triển hài hòa. Môi trường và cảnh quan thiên nhiên được gìn giữ, nhất là môi trường biển và ven biển; là địa phương đi đầu trong việc thực hiện mục tiêu đưa phát thải khí nhà kính về mức “0” của Việt Nam. Quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo được giữ vững, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và cuộc sống bình yên của nhân dân; là hình mẫu của sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

III. Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội:

1. Các khu vực động lực ưu tiên phát triển:

1.1 Cục tăng trưởng và vùng động lực:

Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh theo mô hình “03 cực tăng trưởng” trong chiến lược tổng thể “01 tầm nhìn chung, 02 trục kết nối, 03 cực tăng trưởng, 04 trụ cột động lực” bảo đảm phát triển cân bằng, bền vững và tăng cường liên kết, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế:

a) Ba cực tăng trưởng:

- Cực tăng trưởng phía Bắc bao gồm Khu vực vịnh Vân Phong là động lực công nghiệp, logistics biển quy mô lớn.
- Cực tăng trưởng trung tâm bao gồm Vùng đô thị Nha Trang và Khu vực Cam Lâm - Cam Ranh giữ vai trò chủ đạo về hành chính, dịch vụ, tri thức và điều phối các dòng nguồn lực.
- Cực tăng trưởng phía Nam tập hợp Vùng đô thị Phan Rang và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam là không gian phát triển năng lượng sạch, công nghiệp xanh và đổi mới sáng tạo.

Ba cực tăng trưởng vận hành như một hệ thống bổ trợ, trong đó trung tâm điều phối và kết nối, phía Bắc tạo năng lực sản xuất - logistics, phía Nam mở rộng động lực tăng trưởng mới, qua đó hình thành cấu trúc phát triển đa cực cân bằng và nâng cao năng lực cạnh tranh toàn tỉnh.

b) Vùng động lực: Ba cực tăng trưởng được phân thành 05 vùng động lực

- Trung tâm đô thị lõi Nha Trang và định hướng mở rộng không gian phát triển, tiến tới mở rộng trung tâm hành chính Nha Trang - Cam Lâm: Nha Trang tiếp tục là trung tâm hành chính, chính trị và đô thị hạt nhân của tỉnh; định hướng mở rộng không gian phát triển đô thị, tăng cường kết nối với Diên Khánh, Diên Lạc nhằm tạo dư địa phát triển, hoàn thiện cấu trúc đô thị. Đồng thời, tiến tới mở rộng trung tâm hành chính Nha Trang - Cam Lâm nhằm mở rộng không gian phát triển kinh tế xã hội.

- Hạt nhân đô thị - dịch vụ - hàng không Cam Ranh - Cam Lâm: Phát triển Cam Ranh - Cam Lâm trở thành trung tâm đô thị - dịch vụ - du lịch - logistics hàng không, gắn với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và các khu du lịch biển quy mô lớn; phát triển theo mô hình đô thị sân bay - đô thị du lịch biển.

- Hạt nhân phát triển công nghiệp - đô thị phía Bắc: Khu kinh tế Vân Phong gắn với khu vực Ninh Hòa mở rộng (Nam Ninh Hòa và vùng phụ cận):

+ Khu vực Bắc Vân Phong: Phát triển đô thị du lịch - nghỉ dưỡng cao cấp gắn hệ sinh thái biển đảo; ưu tiên du lịch biển cao cấp, trải nghiệm, nghỉ dưỡng dài ngày; thu hút tổ hợp nghỉ dưỡng theo tiêu chuẩn quốc tế về du lịch bền vững, phát thải thấp.

+ Khu vực Ninh Hòa mở rộng được định hướng là hạt nhân công nghiệp - đô thị - logistics, gắn với Khu kinh tế Vân Phong, các khu công nghiệp, cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng; đóng vai trò trung tâm chuyên ngành công nghiệp - năng lượng - logistics, đồng thời là đô thị vệ tinh quan trọng hỗ trợ cho trung tâm Nha Trang.

+ Khu vực Nam Vân Phong: Phát triển trung tâm công nghiệp - logistics gắn cảng biển quy mô lớn, là đầu mối trung chuyển hàng hóa/năng lượng của tỉnh và khu vực.

- Cụm đô thị du lịch - văn hóa phía Nam (Phan Rang - Đông Hải - Ninh Chữ - Đô Vinh - Bảo An):

Định hướng là trung tâm du lịch biển, văn hóa - lịch sử, dịch vụ và đô thị ven biển phía Nam, phát huy giá trị di sản, cảnh quan và bản sắc địa phương.

- Khu vực phát triển mới phía Nam (Thuận Nam - Cà Ná):

Định hướng hình thành cực phát triển mới về công nghiệp năng lượng, cảng biển, logistics và đô thị hỗ trợ, gắn với cảng tổng hợp Cà Ná và các dự án năng lượng quy mô lớn.

1.2 Các hành lang kinh tế:

Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh với 02 trục kết nối bao gồm trục Bắc – Nam, thể hiện bởi 01 hành lang kinh tế Bắc – Nam và trục Đông – Tây, thể hiện bởi 03 hành lang kinh tế Đông – Tây:

a) Hành lang kinh tế Bắc Nam:

Là một phần của trục quốc gia Bắc – Nam, bao gồm Quốc lộ 1, Cao tốc Bắc – Nam, Đường sắt Bắc – Nam và các tuyến ven biển liên tục. Đây là trục phát triển chính của tỉnh, tích hợp các đô thị, khu công nghiệp, cảng, sân bay, không gian kinh tế ven biển. Đây là điểm nhấn tăng trưởng đa ngành, du lịch ven biển và phát triển kinh tế biển, đóng vai trò là cửa ngõ liên vùng chính kết nối Khánh Hòa với các trung tâm kinh tế quốc gia.

b) Hành lang kinh tế Đông Tây kết nối Vân Phong – Buôn Ma Thuột:

Từ vịnh Vân Phong đến Ninh Hòa theo Quốc lộ 26 đến Quốc lộ 26B, liên kết với cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột đã được quy hoạch, kết nối với Đắk Lắk và Tây Nguyên. Đây là cửa ngõ ven biển – cao nguyên phía Bắc, củng cố vai trò của Vân Phong như một trung tâm hàng hải – logistics, hỗ trợ phát triển công nghiệp và logistics ở Ninh Hòa, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương, du lịch và dòng chảy hàng hóa giữa duyên hải và Tây Nguyên.

c) Hành lang kinh tế Đông Tây kết nối Nha Trang – Diên Khánh – Khánh Vĩnh – Lâm Đồng:

Đọc theo Quốc lộ 27C, nối Nha Trang với Diên Khánh, Khánh Vĩnh và đi đến Lâm Đồng. Đây là trục trung tâm đổi mới sáng tạo – hội nhập vùng cao, kết nối trung tâm dịch vụ, du lịch, giáo dục, khoa học và kinh tế số của Nha Trang với các khu nông nghiệp, sinh thái, công nghệ sinh học nội địa, hỗ trợ phát triển cân bằng vùng và nông nghiệp có giá trị cao.

d) Hành lang kinh tế Đông – Tây kết nối trung tâm Phan Rang – Tháp Chàm – Tây Nguyên:

Đọc theo Quốc lộ 27 và 27B, nối Cam Ranh – Cam Lâm – Phan Rang với các địa phương nội địa như xã Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn; xã Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn; xã Bác Ái Đông, Bác Ái, Bác Ái Tây; đồng thời tiếp nối tới tỉnh Lâm Đồng. Hành lang liên kết sinh thái và nông nghiệp phía Nam, hỗ trợ nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, du lịch văn hóa, nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch mạo hiểm theo mô hình Tiểu đô thị sinh thái núi rừng, tăng cường kết nối giữa các đô thị ven biển phía Nam và các xã vùng cao nội địa.

2. Các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, khu vực hạn chế phát triển

Các vùng hạn chế phát triển là những không gian có giá trị đặc biệt về quốc phòng – an ninh, sinh thái, môi trường, di sản và phòng chống thiên tai, nơi các hoạt động phát triển phải được kiểm soát chặt chẽ nhằm cân bằng giữa tăng trưởng và bảo vệ lợi ích dài hạn. Việc xác định các vùng này dựa trên điều

kiện tự nhiên, giá trị sinh thái – cảnh quan và yêu cầu quản lý theo quy hoạch, pháp luật hiện hành.

Các khu vực hạn chế phát triển chính bao gồm: (i) khu vực ưu tiên quốc phòng – an ninh; (ii) khu bảo tồn thiên nhiên, dự trữ sinh quyển và hệ sinh thái có giá trị cao (bảo vệ nghiêm ngặt vùng lõi); (iii) rừng phòng hộ và bảo vệ nguồn nước; (iv) khu vực di tích lịch sử – văn hóa và danh lam thắng cảnh; (v) hành lang bảo vệ môi trường và tài nguyên; (vi) khu vực có nguy cơ cao về thiên tai (hạn chế phát triển và ưu tiên giảm thiểu rủi ro); và (vii) hành lang đa dạng sinh học nhằm duy trì kết nối hệ sinh thái. Nhìn chung, các khu vực này đều yêu cầu hạn chế xây dựng, kiểm soát khai thác và ưu tiên bảo tồn, phục hồi và phát triển bền vững.

3. Phương hướng phát triển và phân bố không gian các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh:

3.1 Phương hướng phát triển các ngành kinh tế

a) Ngành dịch vụ:

- Ngành dịch vụ được định hướng có 02 lĩnh vực tăng trưởng, bao gồm *Du lịch và đời sống chất lượng cao* và *Trung tâm Đổi mới AI*. Trong đó: (1) *Du lịch và đời sống chất lượng cao* định vị Khánh Hòa là điểm đến ven biển đa dạng, giá trị cao cho du khách và cư dân lưu trú dài hạn; và (2) *Trung tâm Đổi mới AI* hướng tới phát triển hạ tầng trung tâm dữ liệu và các dịch vụ số làm nền tảng, xuyên suốt cho toàn bộ các ngành.

- Phát triển ngành dịch vụ theo hướng tăng trưởng chất lượng cao, đa dạng và bền vững, định vị Khánh Hòa là điểm đến ven biển có giá trị cao, đồng thời nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh thông qua chuyển đổi số dưới vai trò là một nền tảng xuyên suốt cho tất cả các ngành.

- Phát triển du lịch trở thành ngành dịch vụ toàn diện, bền vững và là động lực kinh tế mũi nhọn với tầm nhìn dài hạn; tích hợp hài hòa giữa du lịch ven biển, du lịch biển đảo cao cấp, dịch vụ đô thị, du lịch văn hóa - lịch sử, du lịch MICE, du lịch chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, du lịch cộng đồng và các dịch vụ chuyên ngành. Định hướng phát triển hệ sinh thái dịch vụ, hoạt động giải trí đa dạng và các điểm đến mang tính biểu tượng nhằm thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế đêm. Phát triển du lịch theo hướng ưu tiên chất lượng hơn số lượng, tập trung vào các sản phẩm đặc trưng, có thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao trong nước và quốc tế; đồng thời gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, góp phần thực hiện hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Phấn đấu duy trì tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân khoảng 15%/năm.

- Phát triển dịch vụ logistics và vận tải là một thành phần quan trọng của nền kinh tế dịch vụ. Tập trung vào các cảng tổng hợp và cảng chuyên dùng có khả năng xếp dỡ tàu lớn, bên cạnh các dịch vụ logistics chất lượng cao kết nối Khánh

Hòa với mạng lưới logistics trong nước và quốc tế. Khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ hỗ trợ như phân phối, dịch vụ đào tạo, giải pháp logistics số.

- Thúc đẩy trí tuệ nhân tạo và công nghệ kỹ thuật số như những yếu tố hỗ trợ xuyên suốt cho việc phát triển dịch vụ. Ưu tiên hạ tầng số, hệ thống dữ liệu, dịch vụ hỗ trợ AI, an ninh mạng và các nền tảng kỹ thuật số hỗ trợ du lịch, công nghiệp, năng lượng, quản lý đô thị và dịch vụ công. Khuyến khích hình thành cơ sở hạ tầng AI và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo để hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động.

b) Ngành công nghiệp:

- Ngành công nghiệp được định hướng có 02 lĩnh vực tăng trưởng, bao gồm *Sản xuất Công nghệ Hàng hải* và *Hệ thống năng lượng mới*. Trong đó, (1) *Sản xuất Công nghệ Hàng hải* thúc đẩy phát triển công nghệ hàng hải lưỡng dụng và dịch vụ giải trí, dựa trên nền tảng hiện có về đóng tàu, cảng biển và nghiên cứu hải dương, và (2) *Hệ thống năng lượng mới* khai thác lợi thế vượt trội về năng lượng tái tạo, tiên phong cho quá trình chuyển dịch năng lượng sạch.

- Phát triển công nghiệp làm trụ cột tăng trưởng cốt lõi để tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, tập trung vào sản xuất và công nghiệp hỗ trợ hiện đại, thân thiện với môi trường gắn kết chặt chẽ với cảng biển, hệ thống logistics, hạ tầng năng lượng.

- Ưu tiên các ngành sản xuất phù hợp với lợi thế của địa phương, bao gồm công nghệ sinh học hàng hải, đóng tàu và sửa chữa tàu biển lưỡng dụng và tàu cho mục đích giải trí, robot và hệ thống hàng hải không người lái, cơ khí, điện tử và công nghiệp hỗ trợ phục vụ các lĩnh vực công nghệ cao. Đưa Khánh Hòa dẫn đầu làn sóng mới của trung tâm công nghệ lưỡng dụng và giải trí hàng hải.

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp gắn với công nghiệp hỗ trợ và sử dụng năng lượng tái tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh đồng thời giảm tác động đến môi trường.

- Tổ chức phát triển công nghiệp không gian xung quanh các khu, cụm công nghiệp kết nối với các cảng biển và đầu mối logistics lớn, tạo ra hệ sinh thái công nghiệp - logistics tích hợp. Tập trung thu hút các dự án đầu tư có công nghệ tiên tiến, năng lực tài chính vững mạnh, tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường.

- Phát triển đồng bộ ngành năng lượng, cụ thể là điện hạt nhân, truyền tải, dịch vụ năng lượng, công nghiệp hỗ trợ, đồng thời đẩy mạnh đổi mới, nghiên cứu và ứng dụng công nghệ nâng cao hiệu quả, khả năng chống chịu và thích ứng với khí hậu trong chuỗi giá trị năng lượng. Xác định tỉnh là trung tâm hệ thống năng lượng mới, khai thác lợi thế vượt trội về năng lượng tái tạo, tiên phong cho quá trình chuyển dịch năng lượng sạch của Việt Nam.

c) Ngành nông nghiệp:

- Ngành nông nghiệp được định hướng có 01 lĩnh vực tăng trưởng là *Chế biến giá trị cao*, nâng tầm nền sản xuất nông nghiệp và thủy sản qua xây dựng thương hiệu, liên kết chuỗi giá trị và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Phát triển nông nghiệp là trụ cột nền tảng, có tiềm năng chế biến giá trị cao, tập trung sản xuất trên quy mô lớn, tăng cường ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ sinh học, tăng cường xây dựng thương hiệu, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng tập trung quy mô lớn, năng suất cao hơn, nâng cao chất lượng, sức cạnh tranh mạnh hơn, hỗ trợ hội nhập sâu rộng hơn vào thị trường trong nước và quốc tế.

- Tăng cường tổ chức chuỗi giá trị trong trồng trọt, chế biến, hậu cần, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ, đặc biệt là đối với các sản phẩm thủy sản và nông nghiệp.

- Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng tập trung, trang trại – công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao và an toàn sinh học, ưu tiên phát triển các vật nuôi chủ lực (đặc biệt dê, cừu) và tăng cường quản lý dịch bệnh.

- Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và công nghệ sinh học biển có giá trị cao, chú trọng chế biến, truy xuất nguồn gốc và phát triển thương hiệu, đồng thời đảm bảo tính bền vững và bảo vệ môi trường.

- Phát triển lâm nghiệp bền vững trên cơ sở quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên rừng; hài hòa các mục tiêu về kinh tế, xã hội, bảo vệ và môi trường; quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản hợp pháp.

- Tích hợp phát triển nông nghiệp với quy hoạch không gian, khu chế biến, hạ tầng logistics, dịch vụ hỗ trợ để nâng cao giá trị gia tăng và khả năng chống chịu.

d) Nền tảng liên kết tăng trưởng giữa các ngành

Lĩnh vực tăng trưởng *Hạ tầng và kết nối chiến lược* chính là nền tảng liên kết tăng trưởng giữa các ngành, bao hàm các định hướng sau:

- Triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật quy mô lớn, bao gồm hệ thống giao thông đa phương thức, logistics, năng lượng và hạ tầng số, nhằm tăng cường khả năng kết nối và giảm chi phí vận hành toàn nền kinh tế.

- Phát triển hạ tầng xã hội thiết yếu, hiện đại (y tế, giáo dục, nhà ở, tiện ích đô thị), đáp ứng nhu cầu của lực lượng lao động chất lượng cao và nâng cao chất lượng sống.

- Tổ chức không gian phát triển gắn với các hành lang kinh tế và cực tăng trưởng, bảo đảm sự liên kết hiệu quả giữa các khu vực sản xuất, dịch vụ và đô thị.

- Tăng cường kết nối liên vùng và quốc tế thông qua các cửa ngõ giao thông chiến lược, tạo điều kiện để tỉnh tham gia sâu hơn vào các mạng lưới kinh tế khu vực và toàn cầu.

3.2 Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

a) Giáo dục và Đào tạo

Đến năm 2030, hệ thống giáo dục và đào tạo Khánh Hòa phát triển theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế, bảo đảm tiếp cận giáo dục công bằng giữa các khu vực và các nhóm xã hội, nâng cao chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực, đóng góp trực tiếp, có thể đo lường được vào quỹ đạo tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh. Ngành giáo dục đạt mức độ phát triển đột phá, đưa Khánh Hòa vào top 15 toàn quốc về chất lượng giáo dục, được hỗ trợ bởi hệ thống giáo dục mở, linh hoạt, liên thông.

Thúc đẩy phát triển căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo là động lực quyết định đến chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh lâu dài và bền vững của Khánh Hòa. Xây dựng và duy trì một xã hội học tập và văn hóa học tập suốt đời; tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội với người học là trung tâm, nhà trường là nền tảng thể chế, giáo viên là lực lượng quyết định chất lượng, đồng thời thực thi kỷ luật, liêm chính, đạo đức nghề nghiệp và chấn chỉnh các hành vi tiêu cực. Phát triển giáo dục cân bằng giữa tiếp cận phổ cập với giáo dục xuất sắc, toàn diện với chiều sâu, bản sắc dân tộc với hội nhập quốc tế, gắn kết học tập với thực tiễn và nhu cầu thị trường lao động, đảm bảo sự liên kết giữa các cấp học và phương thức. Đẩy nhanh đột phá thông qua tư duy và thể chế đổi mới, hệ thống kết nối mở và linh hoạt, các cơ chế hỗ trợ đảm bảo cơ hội học tập công bằng và bình đẳng cho tất cả người dân, tăng cường khả năng thích ứng với nền kinh tế tri thức, chuyển đổi số và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đồng thời công nhận vai trò bổ sung của giáo dục ngoài công lập cùng với giáo dục công.

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe

Đến năm 2030, Khánh Hòa phát triển hệ thống y tế hiện đại, công bằng, chất lượng cao, hiệu quả và bền vững, tăng cường dự phòng và chăm sóc ban đầu, phát triển cân bằng giữa dịch vụ chữa bệnh và y tế dự phòng, hội nhập quốc tế tiên bộ trong các chức năng được lựa chọn. Khánh Hòa sẽ trở thành trung tâm chăm sóc sức khỏe cho Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Ưu tiên tiếp cận công bằng cho tất cả mọi người, thu hẹp dần sự chênh lệch giữa các khu vực và nhóm dân cư, bao gồm các cộng đồng vùng sâu vùng xa, miền núi và hải đảo, đồng thời tăng cường bảo hiểm y tế. Tăng cường mô hình ưu tiên phòng ngừa và chăm sóc ban đầu làm nền tảng của việc cung cấp dịch vụ. Thực hiện quản trị mạng thông nhất với tích hợp dữ liệu bằng cách vận hành tất cả các tầng như một mạng dịch vụ phối hợp được hỗ trợ bởi dữ liệu có thể tương tác và các quy tắc giới thiệu, chuyển khẩn cấp và thanh toán nhất quán. Cải thiện chất lượng lực lượng lao động và đạo đức y tế, giải quyết tình trạng thiếu hụt và phân phối sai chuyên khoa, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội và tư nhân hợp pháp theo các tiêu chuẩn rõ ràng mà không làm phân mảnh mạng lưới thống nhất. Ưu tiên nâng cao chất lượng và an toàn là nguyên tắc cốt lõi của phát triển ngành y tế.

c) An sinh xã hội

Thực hiện tốt các chế độ, chính sách và huy động các nguồn lực xã hội hóa để chăm lo người có công, đối tượng bảo trợ xã hội; triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách, chương trình, đề án, dự án về giảm nghèo, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới, phòng, chống tệ nạn xã hội, bảo đảm an sinh xã hội.

d) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Định vị Khánh Hòa là trung tâm khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của khu vực, tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với lợi thế so sánh của tỉnh và nhu cầu phát triển dài hạn, lấy mục tiêu phục vụ con người làm trung tâm và các doanh nghiệp là tác nhân cốt lõi, định hướng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong một số lĩnh vực cụ thể như sau: (i) bao gồm khoa học biển và công nghệ đại dương gắn với quản lý tài nguyên ven biển và ngoài khơi, (ii) công nghệ nuôi trồng thủy sản và chế biến thủy sản hỗ trợ nâng cấp chuỗi giá trị, (iii) công nghệ sinh học gắn với nông nghiệp, chăm sóc sức khỏe và quản lý môi trường, (iv) các công nghệ liên quan đến du lịch nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm của du khách và khả năng cạnh tranh của điểm đến, và (v) AI như một yếu tố xuyên suốt, tập trung phát triển các công nghệ như sau: AI, điện toán đám mây và dữ liệu lớn, công nghệ blockchain, công nghệ mạng thế hệ tiếp theo, robot và tự động hóa, công nghệ chip bán dẫn, công nghệ an ninh mạng, công nghệ hàng không vũ trụ và vũ trụ, công nghệ năng lượng và vật liệu tiên tiến, công nghệ hàng hải và dưới bề mặt. Phát triển khoa học và công nghệ thông qua cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm và các doanh nghiệp là tác nhân cốt lõi của hệ thống đổi mới kỹ thuật số.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và công nghệ; ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ; triển khai các công nghệ chiến lược phù hợp với lợi thế của tỉnh, trong đó ưu tiên công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ đại dương, công nghệ sinh học, công nghệ năng lượng sạch và an toàn thông tin; thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Định hướng phát triển kinh tế dựa trên ứng dụng công nghệ số, công nghệ cao, công nghệ đại dương, AI, IoT, dữ liệu số, năng lượng tái tạo và đô thị thông minh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế biển, logistics, du lịch chất lượng cao và chuyển đổi số toàn diện của tỉnh. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tăng cường liên kết viện – trường – doanh nghiệp; xây dựng các trung tâm nghiên cứu ứng dụng, công viên đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao và trung tâm nghiên cứu công nghệ đại dương tại các khu vực như Vân Phong, Nha Trang nhằm thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ cho các ngành kinh tế trọng điểm. Thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghệ số, logistics, trung tâm dữ liệu và các ngành có giá trị gia tăng cao, gắn với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và phát triển đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng số, trung tâm dữ liệu, nền tảng dữ liệu dùng chung, đô

thị thông minh và các hành lang phát triển đô thị gắn với hạ tầng giao thông chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, kết nối và khai thác không gian phát triển mới. Bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, quản trị dữ liệu số, quan trắc môi trường tự động và đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

d) Văn hóa, thể thao

Định vị văn hóa là hệ thống nền tảng hỗ trợ phát triển con người toàn diện, gắn kết xã hội và bản sắc tỉnh, đồng thời lồng ghép các giá trị văn hóa với các hoạt động kinh tế để nâng cao du lịch, dịch vụ và năng lực cạnh tranh lâu dài. Thúc đẩy phát triển văn hóa cân bằng, bao trùm và công bằng, thu hẹp khoảng cách trong tiếp cận và tham gia giữa các khu vực và các nhóm xã hội, đồng thời bảo vệ đa dạng văn hóa. Ưu tiên bảo tồn và phát huy di sản văn hóa đi đôi với hiện đại hóa, đổi mới hoạt động văn hóa, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa là ngành dịch vụ quan trọng góp phần giải quyết việc làm, tạo thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Khánh Hòa. Định hướng thể dục thể thao theo hướng nâng cao sức khỏe, thể lực và chất lượng cuộc sống cộng đồng, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của Khánh Hòa trong các bộ môn đạt thành tích cao. Định vị thể thao vừa là gắn với chức năng phát triển xã hội, vừa là hoạt động kinh tế gắn liền với du lịch và dịch vụ, đa dạng hóa tiêu dùng trải nghiệm và nâng cao hình ảnh của tỉnh ở cấp khu vực, quốc gia và quốc tế. Xây dựng Khánh Hòa thành Trung tâm Thể thao biển và Lễ hội Văn hóa biển tầm quốc gia và quốc tế. Nghiên cứu lập quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích, quy hoạch khảo cổ, đảm bảo phải phù hợp, cụ thể hóa quy hoạch tỉnh.

e) Quốc phòng, an ninh

Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh, toàn diện, có sức mạnh tổng hợp, trình độ cao, sẵn sàng chiến đấu, xử lý kịp thời, hiệu quả mọi tình huống, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên biển, đảo.

IV. Phương hướng phát triển đô thị và nông thôn

1. Phương hướng phát triển hệ thống đô thị

Trước năm 2030, tỉnh Khánh Hòa đặt mục tiêu trở thành thành phố trực thuộc Trung ương; phát triển hệ thống đô thị theo mô hình mạng lưới đa trung tâm, đa cực, gắn với các vùng đô thị hóa, hành lang kinh tế, chuỗi đô thị ven biển, cụm đô thị và mối liên kết đô thị – nông thôn.

Hệ thống đô thị tỉnh được tổ chức phù hợp với định hướng quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên; phát huy vai trò cực tăng trưởng biển – cao nguyên, trung tâm du lịch biển quốc tế, kinh tế biển, logistics, cảng biển, sân bay, công nghiệp sạch, năng lượng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và quốc phòng – an ninh biển đảo.

Cấu trúc đô thị lấy chuỗi đô thị tuyến tính Bắc – Nam ven biển làm khung phát triển chủ đạo, kết nối với các hành lang Đông – Tây và không gian biển đảo. Các đô thị Ninh Hòa, Nha Trang, Cam Lâm, Cam Ranh và Phan Rang – Tháp Chàm là các cực động lực chính; các đô thị loại III, đô thị thuộc xã và khu vực có yếu tố tạo thị giữ vai trò hỗ trợ, bổ trợ và lan tỏa phát triển.

2. Dự kiến hệ thống đô thị loại II, đô thị loại III của tỉnh; phương hướng phát triển chính cho từng đô thị

Đến năm 2030, tỉnh Khánh Hòa định hướng hình thành hệ thống 21 đô thị, gồm 05 đô thị định hướng loại II hoặc phấn đấu đạt một số tiêu chí, tiêu chuẩn đô thị loại II là Nha Trang, Phan Rang – Tháp Chàm, Cam Ranh, Ninh Hòa và Cam Lâm; cùng 16 đô thị loại III gồm Diên Khánh, Vạn Ninh, Đại Lãnh, Tô Hạp, Khánh Vĩnh, Phước Dân, Tân Sơn, Trường Sa, Vạn Thắng, Tu Bông, Cà Ná, Vĩnh Hải, Thuận Bắc, Thuận Nam, Lâm Sơn và Bác Ái Đông.

Nha Trang là đô thị hạt nhân, trung tâm tổng hợp của tỉnh và vùng về hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giáo dục – đào tạo, y tế, du lịch biển quốc gia và quốc tế, thương mại – tài chính và dịch vụ hàng hải. Phan Rang – Tháp Chàm là trung tâm đô thị phía Nam, gắn với dịch vụ, văn hóa Chăm, du lịch biển, nông nghiệp đặc thù, công nghiệp chế biến và năng lượng tái tạo. Cam Ranh là đô thị cảng – sân bay – du lịch, đầu mối giao thông quốc tế, có vị trí đặc biệt về quốc phòng, an ninh. Ninh Hòa là đô thị công nghiệp – cảng biển – logistics và dịch vụ hậu cần gắn với Nam Vân Phong. Cam Lâm là đô thị sân bay, trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, đổi mới sáng tạo, công nghệ xanh – thông minh.

Các đô thị loại III được tổ chức theo nhóm chức năng: trung tâm tiểu vùng, đô thị thành phần trong các vùng đô thị hóa ven biển, đô thị du lịch sinh thái biển – núi, đô thị công nghiệp – cảng biển – logistics – năng lượng, đô thị nông nghiệp đặc thù, văn hóa, làng nghề, đô thị miền núi và đô thị đặc thù biển đảo. Các đô thị này đóng vai trò cung cấp dịch vụ công cộng, hỗ trợ phát triển nông thôn, kết nối các khu chức năng và tiếp nhận lan tỏa từ các đô thị động lực.

Cấu trúc phát triển đô thị toàn tỉnh gồm 06 vùng đô thị hóa: Vân Phong – Vạn Ninh – Bắc Ninh Hòa; Ninh Hòa – Nam Vân Phong; Nha Trang – Diên Khánh; Cam Lâm – Cam Ranh – Cam Hiệp; Phan Rang – Ninh Chữ – Ninh Phước – Ninh Sơn – Vĩnh Hải; Cà Ná – Thuận Nam – Thuận Bắc – Lâm Sơn – Bác Ái Đông – Trường Sa. Phạm vi, tên gọi, số lượng và lộ trình nâng loại đô thị cụ thể được xác định trong quy hoạch chung đô thị, chương trình phát triển đô thị và các đề án liên quan theo quy định.

3. Phương hướng phát triển các đô thị và phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng TOD

Phát triển các đô thị theo hướng nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian công cộng, cây xanh, mặt nước, nhà ở, dịch vụ đô thị và năng lực quản lý. Ưu tiên tái thiết, chỉnh trang các đô thị hiện hữu; phát triển đô

thị mới tại các khu vực có điều kiện hạ tầng, giao thông và động lực kinh tế rõ rệt; kiểm soát phát triển dàn trải và chuyển đổi đất đai thiếu đồng bộ.

Phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, gắn với đường sắt Bắc – Nam, đường sắt tốc độ cao, cao tốc Bắc – Nam, Quốc lộ 1, đường ven biển, sân bay quốc tế Cam Ranh, các cảng biển Vân Phong – Nha Trang – Cam Ranh – Cà Ná và các trục kết nối Đông – Tây. Tại các đầu mối giao thông, ưu tiên tổ chức trung tâm đô thị, khu hỗn hợp, dịch vụ, thương mại, nhà ở và công trình công cộng.

Đối với các đô thị thuộc xã và khu vực có yếu tố tạo thị, phát triển thành trung tâm dịch vụ cấp xã, trung tâm cụm xã hoặc đô thị vệ tinh tùy theo điều kiện cụ thể; tổ chức theo mô hình đô thị tập trung, compact, quanh lõi hành chính – dịch vụ – thương mại hiện hữu; hạn chế phát triển dàn trải dọc quốc lộ, tỉnh lộ. Phát triển không gian nông thôn hài hòa với quá trình đô thị hóa; gắn kết đô thị – nông thôn – trung du – miền núi – biển đảo.

Không gian nông thôn vừa là không gian sản xuất, kinh tế nông thôn, vừa là vùng đệm sinh thái, khu vực bảo vệ rừng đầu nguồn, hành lang sinh thái, an ninh nguồn nước và quỹ dự trữ phát triển dài hạn; gắn với xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu nông nghiệp, bảo tồn bản sắc văn hóa, sinh kế bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.

Định hướng phát triển không gian ven sông, ven biển cần hài hòa giữa phát triển đô thị, cảnh quan tự nhiên và giá trị sinh thái; bảo đảm khoảng lùi hợp lý, hành lang bảo vệ, không gian xanh và khả năng tiếp cận công cộng. Phát triển hạ tầng cần gắn với thích ứng thiên tai, chống ngập và tăng khả năng tiêu thoát lũ, thông qua các giải pháp như mở rộng lòng sông, khơi thông và mở rộng sông nhánh, kết hợp nạo vét với phát triển cảnh quan và trực đại lộ ven sông, đồng thời khai thác hiệu quả quỹ đất ven sông, ven biển để tạo dư địa phát triển.

4. Phương hướng phát triển khu vực nông thôn

Phát triển không gian nông thôn tỉnh Khánh Hòa theo hướng hài hòa với quá trình đô thị hóa, phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất và đặc thù từng tiểu vùng lãnh thổ; bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa đô thị – nông thôn – khu vực trung du, miền núi, góp phần phát triển cân bằng và bền vững trên phạm vi toàn tỉnh.

Phát triển nông thôn gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường liên kết hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và liên kết thị trường với các đô thị trung tâm, đô thị động lực của tỉnh.

V. Phương hướng phát triển các khu chức năng; phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất tập trung trên địa bàn tỉnh

1. Phương hướng phát triển các khu chức năng

a) Phương án phát triển các khu kinh tế

- Khu kinh tế Vân Phong được định hướng phát triển như một trung tâm kinh tế biển hiện đại, phát triển theo mô hình đa ngành và là động lực tăng trưởng mới cho tỉnh Khánh Hòa và khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, đóng góp chủ lực vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của tỉnh.

+ Ưu tiên xây dựng các đô thị quy mô lớn, hiện đại, tích hợp, kiện toàn chức năng dân cư - thương mại - dịch vụ, tạo cơ sở dịch vụ đô thị cần thiết cho các chức năng du lịch, cảng, logistics, công nghiệp của khu kinh tế.

+ Phát triển các tổ hợp du lịch, khu nghỉ dưỡng, giải trí, trung tâm dịch vụ, thương mại, các công trình hỗ trợ gắn với chức năng du lịch biển và cảng hành khách, bao gồm dịch vụ đón du thuyền, du thuyền sang trọng và dịch vụ thương mại miễn thuế.

+ Phát triển các dịch vụ cảng, logistics và hạ tầng kỹ thuật hỗ trợ cho sản xuất, xếp dỡ hàng hóa, lưu trữ và phân phối.

+ Phát triển khu vực Bắc Vân Phong trở thành đô thị du lịch biển đẳng cấp quốc tế, một trong những trung tâm kinh tế biển hiện đại. Phát triển khu vực Nam Vân Phong trở thành trung tâm cảng trung chuyển container quốc tế, logistics, khu phi thuế quan và đô thị công nghiệp, trung tâm tập trung các khu công nghiệp, các dự án công nghiệp trọng điểm với các ngành công nghiệp chủ lực như công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp năng lượng, đóng tàu.

+ Hướng đến mở rộng tiềm năng lợi thế, định hướng phát triển để phân bổ thêm chỉ tiêu các khu chức năng trong Khu kinh tế Vân Phong hiện trạng, đồng thời có định hướng mở rộng phạm vi Khu kinh tế Vân Phong về phía Tây tại khu vực các xã Bắc Ninh Hòa, Hòa Trí, Tân Định, Tây Ninh Hòa, khai thác tối đa các tiềm năng, cơ hội, không gian phát triển mới.

+ Định hướng phát triển cảng cạn, trung tâm logistics tại Khu Kinh tế Vân Phong, phát triển khu thương mại tự do tại Khu Kinh tế theo Đề án thành lập Khu thương mại tự do tỉnh Khánh Hòa khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phát triển các khu vực đô thị phụ cận các khu công nghiệp.

+ Định hướng xây dựng cảng cạn Vân Phong gắn liền với cảng hàng không Vân Phong, cảng biển tổng hợp tiềm năng Nam Vân Phong và khu bến Bắc Vân Phong nhằm phục vụ trực tiếp cho lưu thông hàng hóa nội địa và xuất nhập khẩu của tỉnh Khánh Hòa, các tỉnh khu vực Tây Nguyên thông qua cảng biển Vân Phong.

+ Từng bước nghiên cứu, chuẩn bị và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để Khu kinh tế Vân Phong phát triển theo mô hình đặc khu kinh tế, với cơ chế, chính sách vượt trội, có tính cạnh tranh quốc tế, khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Phát triển Khu kinh tế ven biển phía Nam, bao gồm các vùng ven biển và cận duyên hải trọng điểm khu vực phía Nam của tỉnh, làm động lực tăng trưởng mới cho khu vực phía Nam Khánh Hòa, góp phần nâng cao đời sống cho người

dân địa phương, thúc đẩy hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ, lồng ghép cân bằng giữa phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, yêu cầu quốc phòng, an ninh. Việc thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu pháp lý theo quy định hiện hành về khu kinh tế, cũng như đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu phân bổ đất quốc gia.

Định hướng thu hút đầu tư tại Khu kinh tế ven biển phía Nam:

+ Cảng nước sâu và chức năng logistics, tận dụng điều kiện thuận lợi ven biển để phát triển cảng tổng hợp, cảng chuyên dùng, trung tâm logistics, hạ tầng giao thông liên kết phục vụ lưu thông hàng hóa liên vùng và hỗ trợ hoạt động công nghiệp, năng lượng.

+ Các ngành năng lượng, bao gồm sản xuất điện dựa trên LNG, điện gió trên bờ và ngoài khơi, và cơ sở hạ tầng năng lượng hỗ trợ.

+ Các ngành công nghiệp lớn, nặng liên kết chặt chẽ với cung cấp năng lượng và tiếp cận cảng.

+ Bảo vệ nghiêm ngặt quỹ đất phục vụ 02 dự án điện hạt nhân chiến lược quốc gia tại Phước Dinh và Vĩnh Hải; đồng thời phát triển Trung tâm dịch vụ năng lượng tái tạo tại xã Thuận Nam gắn với hệ sinh thái năng lượng sạch và công nghiệp hỗ trợ.

+ Nông nghiệp công nghệ cao, tập trung vào các mô hình sản xuất thâm dụng công nghệ, tích hợp chuỗi giá trị và thực hành thích ứng với khí hậu.

b) Phương án phát triển khu công nghiệp:

Quy hoạch phát triển đồng bộ các khu công nghiệp song song với hạ tầng xã hội và bảo vệ môi trường để đảm bảo ổn định lực lượng lao động, bền vững xã hội và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia. Mỗi khu công nghiệp cũng phải phát triển hệ thống thu gom và xử lý nước thải công nghiệp tập trung, được thiết kế cho công suất lấp đầy và đáp ứng các tiêu chuẩn xả thải quốc gia.

Ưu tiên chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, thông minh và sản xuất sạch; phát triển các tổ hợp công nghiệp – năng lượng – cảng biển xanh tại các khu vực trọng điểm như Du Long, Phước Nam, Thành Hải và Cà Ná.

c) Trung tâm hành chính mở rộng:

Khu vực mở rộng Nha Trang – Cam Lâm được xây dựng theo mô hình đô thị đa trung tâm, trong đó hình thành cụm trung tâm hành chính mở rộng nhằm khắc phục tình trạng phân tán hiện hữu, nâng cao hiệu quả vận hành và đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Trong bối cảnh áp lực đô thị gia tăng tại Nha Trang và định hướng phát triển các cực tăng trưởng mới, Cam Lâm được xác định là không gian chiến lược nhờ lợi thế kết nối với Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh và

các hành lang giao thông liên vùng, qua đó đóng vai trò là cực hành chính – dịch vụ mở rộng cấp tỉnh.

Phát triển Cam Lâm trở thành đô thị sân bay hiện đại, sinh thái lấy Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh làm hạt nhân, gắn với các chức năng logistics, thương mại quốc tế, dịch vụ cao cấp và đổi mới sáng tạo.

Định hướng phát triển trung tâm hành chính mới dựa trên các nguyên tắc tập trung – tích hợp, xanh và bền vững, thông minh và linh hoạt, đồng thời bảo đảm kết nối hiệu quả trong toàn tỉnh. Mục tiêu cốt lõi bao gồm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua tổ chức lại không gian hành chính theo hướng tập trung và liên thông; thúc đẩy chuyển đổi số, tiến tới chính quyền số với tỷ lệ xử lý trực tuyến cao; và tạo động lực phát triển đô thị, góp phần giảm áp lực cho Nha Trang và kích hoạt tăng trưởng tại khu vực phía Nam tỉnh.

Về tổ chức không gian, trung tâm hành chính được quy hoạch theo mô hình đa chức năng, tích hợp hành chính, dịch vụ công, thương mại, nhà ở và không gian công cộng, thay vì một khu hành chính đơn thuần. Cấu trúc không gian xoay quanh trục hành chính – công cộng trung tâm, kết hợp với quảng trường cấp tỉnh làm điểm nhấn biểu tượng, đồng thời phát triển hệ thống giao thông đa phương thức, tăng cường liên kết với Nha Trang, Cam Ranh và các khu vực khác. Hạ tầng được định hướng hiện đại, ưu tiên giao thông bền vững và khả năng kết nối quốc tế.

Việc hình thành trung tâm hành chính mở rộng không chỉ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị mà còn đóng vai trò là hạt nhân thúc đẩy tái cấu trúc không gian đô thị, thu hút đầu tư, phát triển hệ sinh thái dịch vụ và góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế bền vững của tỉnh Khánh Hòa trong dài hạn.

d) Các khu chức năng khác

- Khu du lịch:

+ Phát triển các khu du lịch quốc gia: Khu du lịch Bắc Vân Phong, Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, Khu du lịch quốc gia Ninh Chữ.

+ Hình thành hệ sinh thái du lịch biển đảo liên hoàn kết nối Bắc Vân Phong, Nha Trang, Cam Lâm, Cam Ranh, Vĩnh Hy và Ninh Chữ nhằm tạo chuỗi trải nghiệm biển đảo đặc sắc, đa dạng và mang tính khác biệt cao.

+ Kết nối Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà, Vườn quốc gia Núi Chúa và Vườn quốc gia Phước Bình nhằm hình thành hệ sinh thái du lịch rừng – núi – sinh thái liên vùng, phát triển các sản phẩm du lịch trải nghiệm, khám phá thiên nhiên và giáo dục môi trường.

+ Phát triển các khu du lịch theo định hướng cho từng khu vực trọng điểm như sau: Bắc Vân Phong phát triển thành điểm đến du lịch hạng sang quốc tế, trọng tâm là nghỉ dưỡng siêu cao cấp, du thuyền và giải trí biển cao cấp; đô thị Nha Trang và Phan Rang định hướng du lịch đô thị dựa trên văn hóa, lễ hội, kinh tế đêm và giải trí và các tổ hợp khám phá đại dương thế hệ mới, giảm phụ thuộc

vào du lịch biển đại trà; Cam Ranh - Cam Lâm phát triển du lịch nghỉ dưỡng kết hợp chăm sóc sức khỏe, hàng không, thể thao biển và các tổ hợp nghỉ dưỡng – nhà ở tích hợp; phát triển mô hình kinh tế hưu trí “Silver Riviera” tại Cam Lâm, Bắc Vân Phong và Ninh Chữ với các tổ hợp nghỉ dưỡng dài hạn tích hợp y tế, chăm sóc sức khỏe và dịch vụ dành cho người cao tuổi; Ninh Chữ - Vĩnh Hy - Núi Chúa tập trung vào du lịch trải nghiệm, mạo hiểm, thể thao biển và sinh thái, tận dụng cảnh quan biển – cát – núi và hệ sinh thái đặc thù; Bình Tiên - Cà Ná phát triển mạnh du lịch ven biển với các trải nghiệm biển, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí nhờ khí hậu nắng ấm quanh năm; Khu vực Đô Vinh - Ninh Phước - phường Bắc Nha Trang và các xã phía Tây và Tây Bắc đẩy mạnh du lịch di sản văn hóa Chăm và Raglai, với các tháp Pô Klong Garai và Pô Nagar là điểm nhấn.

- Khu thể dục thể thao:

Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Khánh Hòa; đây là dự án trọng điểm của địa phương theo Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Khu công nghệ số tập trung:

Thành lập các khu công nghiệp công nghệ số tập trung tại phường Bắc Nha Trang, xã Nam Ninh Hòa, xã Suối Dầu, Bắc Vân Phong và các khu vực khác dựa trên nhu cầu phát triển thực tế.

Hình thành Hành lang điện toán xanh Nha Trang – Cam Lâm với công suất khoảng 300–500 MW, thu hút ít nhất 11 trung tâm dữ liệu và hạ tầng AI quy mô lớn. Đồng thời phát triển Công viên đổi mới sáng tạo và các khu công nghệ số tập trung tại phía Tây Nha Trang và khu vực Vân Phong nhằm thúc đẩy kinh tế dữ liệu, an ninh mạng và đổi mới sáng tạo.

Hình thành Trung tâm nghiên cứu quốc gia về công nghệ đại dương gắn với Viện Hải dương học Nha Trang nhằm phát triển các lĩnh vực robot biển, cảm biến đại dương và hệ thống tự hành dưới bề mặt.

2. Phương hướng phát triển cụm công nghiệp, vùng sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh

a) Phương án phát triển cụm công nghiệp:

Trong công tác duy trì và phát triển các cụm công nghiệp, cần tập trung nâng cao tỷ lệ lấp đầy tại các cụm công nghiệp hiện hữu trước khi xem xét mở rộng, phát triển các cụm mới. Song song, thành lập mới các cụm công nghiệp có khả năng phát triển và thu hút đầu tư thứ cấp.

b) Vùng sản xuất nông nghiệp tập trung:

- Xây dựng vùng sản xuất lúa giống chất lượng cao tại các xã, phường: Diên Khánh, Diên Điền, Diên Lâm, Diên Thọ, Diên Lạc, Suối Hiệp, Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Hòa Trí, Phước Hậu, Phước Hữu, Thuận Nam, Lâm Sơn, Đô Vinh, Thuận Bắc.

- Phát triển trồng trọt tập trung cụ thể như sau:

Vùng sản xuất lúa tập trung tại các xã, phường: Vạn Ninh, Bắc Ninh Hòa, Hòa Trí, Tân Định, Vạn Thắng, Tây Ninh Hòa, Ninh Hòa, Hòa Thắng, Nam Ninh Hòa, Diên Lâm, Diên Điền, Diên Thọ, Diên Lạc, Diên Khánh, Suối Hiệp, Thuận Bắc, Công Hải, Ninh Hải, Xuân Hải, Đô Vinh, Lâm Sơn, Phước Hậu, Phước Hữu, Phước Hà, Ninh Phước, Thuận Nam, Vạn Hưng, Tu Bông, Cam Lâm, Ba Ngòi, Ninh Chữ, Ninh Sơn, Bảo An.

Vùng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm tập trung tại các xã, phường: Hòa Trí, Tây Ninh Hòa, Tân Định, Bắc Ninh Hòa, Nam Ninh Hòa, Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh, Diên Lâm, Diên Điền, Diên Thọ, Suối Hiệp, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An, Đông Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Khánh Sơn, Bắc Ái Tây, Bắc Ái, Bắc Ái Đông, Công Hải, Thuận Bắc, Vĩnh Hải, Xuân Hải, Ninh Chữ, Đô Vinh, Mỹ Sơn, Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Phước Hậu, Phước Hữu, Vạn Hưng, Vạn Ninh, Nam Cam Ranh, Cam Lâm, Ba Ngòi, Thuận Nam, Phước Dinh, Ninh Phước, Ninh Hải, Đô Vinh.

- Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung tại các xã Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng, Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Diên Điền, Diên Lâm, Suối Hiệp, Cam Hiệp, Cam An, Nam Cam Ranh, Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Công Hải, Vĩnh Hải, Ninh Hải, Xuân Hải, Mỹ Sơn, Phường Bảo An, Phường Đô Vinh, Phước Dinh, Ninh Phước, Phước Hậu, Phước Hữu, Phước Hà, Thuận Nam, Bắc Ái, Bắc Ái Đông, Bắc Ái Tây, Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng.

- Thành lập các cơ sở giết mổ tại các xã Vạn Ninh, Tây Ninh Hòa, Khánh Vĩnh, Cam Hiệp, Nam Cam Ranh, Đông Khánh Sơn, Ninh Sơn, Ninh Phước, Ninh Hải, Công Hải và Phường Đông Hải.

- Sản xuất giống thủy sản: bố trí tại các khu vực xã Phước Dinh, xã Vĩnh Hải, phường Đông Ninh Hòa.

- Phát triển vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại khu vực xã Nam Ninh Hòa.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển: ưu tiên kết hợp các vùng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao với các khu vực nuôi hiện hữu mà không chồng lấn với các ngành kinh tế khác; nghiên cứu mở rộng các vùng nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao.

- Phát triển đảo Bích Đầm thành làng chài kiểu mẫu, phát triển các cộng đồng, ngư dân ven biển tại xã Cà Ná theo hướng bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và nâng cao sinh kế bền vững.

VI. Phương hướng phát triển địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn

- Phát triển các vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn tập trung vào giảm nghèo bền vững bằng cách tăng cường sinh kế, thu hẹp khoảng cách phát triển, duy trì ổn định xã hội đồng thời bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bản sắc văn hóa. Áp

dụng cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm, kết hợp hỗ trợ của Nhà nước, sự tham gia của khu vực tư nhân và sự tham gia của cộng đồng.

- Các ưu tiên chính bao gồm phát triển các mô hình sinh kế phù hợp với địa phương, giá trị gia tăng cao hơn; thúc đẩy nông nghiệp định hướng thị trường, sinh thái, hữu cơ và thích ứng với khí hậu; tăng cường liên kết chuỗi giá trị và kết nối nông dân - doanh nghiệp; và mở rộng đào tạo nghề để cải thiện khả năng tiếp cận việc làm tại các vùng kinh tế trọng điểm. Phát triển sinh kế được lồng ghép với bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

- Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là kết nối giao thông, tiện ích, hạ tầng số, gắn với ổn định dân số tại các khu vực dễ bị thiên tai. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực, giáo dục, y tế, bảo tồn văn hóa, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường quản trị và phối hợp chính sách thông qua các chương trình tích hợp và sự tham gia của nhiều bên liên quan để đảm bảo phát triển bao trùm, bền vững và cải thiện mức sống.

VII. Phương hướng phát triển mạng lưới giao thông

1. Phương hướng phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt, cảng hàng không

a) Đường cao tốc

Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp và khai thác hiệu quả tuyến cao tốc Bắc – Nam phía Đông, đoạn qua địa bàn tỉnh Khánh Hòa, với vai trò là trục giao thông kết nối chính Bắc – Nam, kết nối liên tục các khu vực Vân Phong, Nha Trang, Cam Lâm, Cam Ranh, Phan Rang và Cà Ná. Giai đoạn dài hạn, định hướng nâng cấp tuyến đạt quy mô 6 làn xe, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận tải liên vùng, vận tải hàng hóa, du lịch và phát triển đô thị dọc hành lang ven biển.

Phát triển tuyến cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuật với quy mô 4 làn xe, giữ vai trò là trục kết nối Đông – Tây quan trọng giữa cảng biển, khu kinh tế ven biển Khánh Hòa với không gian Tây Nguyên, góp phần mở rộng vùng hậu phương hàng hóa cho cảng biển Vân Phong, Cam Ranh và các khu logistics trên địa bàn tỉnh.

Phát triển tuyến cao tốc Nha Trang – Đà Lạt với quy mô 4 làn xe, tạo trục liên kết du lịch, dịch vụ, đô thị và logistics giữa Khánh Hòa với Lâm Đồng; đồng thời tăng cường kết nối giữa trung tâm Nha Trang – Cam Lâm – Cam Ranh với vùng cao nguyên, góp phần hình thành hành lang kinh tế du lịch biển – cao nguyên có sức cạnh tranh cấp vùng.

Nghiên cứu đầu tư mở mới tuyến đường trục động lực Cà Ná – Liên Khương, quy mô định hướng 4–6 làn xe, có khả năng nâng cấp thành cao tốc và tích hợp vào mạng lưới đường bộ cao tốc quốc gia khi đủ điều kiện. Tuyến đường này có ý nghĩa chiến lược đối với cực phía Nam của tỉnh, tạo hướng kết nối trực tiếp từ khu vực

cảng Cà Ná, đô thị Phan Rang – Tháp Chàm, sân bay Thành Sơn lên Tây Nguyên, qua đó mở rộng không gian phát triển công nghiệp, năng lượng, logistics và kinh tế biển phía Nam Khánh Hòa.

b) Đường quốc lộ

Nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ hiện có đạt quy mô tối thiểu đường cấp III với 2-4 làn xe. Đối với các đoạn tuyến đi qua đô thị, đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch đô thị, quy mô tối thiểu 4 làn xe. Đối với các đoạn tuyến đi qua các khu dân cư tập trung, nghiên cứu quy mô đảm bảo số làn xe tối thiểu theo cấp đường đô thị, tìm tuyến chính xác cụ thể hóa trong giai đoạn đầu tư xây dựng.

c) Đường sắt

Phát triển hệ thống đường sắt gồm đường sắt quốc gia hiện hữu, đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam, đường sắt chuyên dụng và đường sắt đô thị; bảo đảm vai trò vận tải khối lượng lớn, kết nối liên vùng, giảm tải cho đường bộ và tạo động lực phát triển đô thị, logistics, dịch vụ gắn với các ga.

Đường sắt tốc độ cao tuân thủ theo hướng tuyến trong giai đoạn triển khai dự án đầu tư xây dựng, ngoài các ga hàng hóa tại Bắc Ninh Hòa, ga hành khách tại Diên Khánh, ga Tháp Chàm đề xuất thêm các ga hỗn hợp (hành khách, hàng hóa) tại các khu vực tiềm năng tại xã Cam An gắn với Đô thị mới Cam Lâm, ga hỗn hợp tại xã Vạn Thắng gắn liền với cảng hàng không Vân Phong định hướng đầu tư khi có đủ điều kiện. Định hướng phát triển TOD gắn liền với các trung tâm đầu mối giao thông liên vùng.

- Đường sắt quốc gia: Cải tạo, xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Khôi phục cải tạo tuyến đường sắt Tháp Chàm (Khánh Hòa) – Đà Lạt (Lâm Đồng); Cải tạo tuyến đường sắt Hà Nội – Thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo hành lang an toàn.

- Đường sắt chuyên dụng: Phát triển tuyến đường sắt nối từ ga Cà Ná đến cảng tổng hợp Cà Ná; tuyến đường sắt nối từ ga Ninh Hòa đến khu bến tiềm năng Nam Vân Phong; tuyến đường sắt nối ga Ngã Ba đến ga Ba Ngòi.

- Đường sắt đô thị: Nghiên cứu quy hoạch các tuyến đường sắt đô thị và các ga kết nối các vùng đô thị động lực và các khu đô thị; các khu chức năng (bao gồm các trung tâm công nghiệp, trung tâm hành chính mở rộng, trung tâm logistics,...); và đầu mối giao thông chính (cảng hàng không quốc tế và các depot đường sắt tốc độ cao).

d) Cảng hàng không

Nâng cấp, mở rộng Cảng hàng không quốc tế Cam Ranh theo quy hoạch được duyệt. Quy hoạch nâng cấp Cảng hàng không Thành Sơn. Nghiên cứu xây dựng Cảng hàng không Vân Phong gắn với phát triển Khu kinh tế Vân Phong và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Phương án phát triển mạng lưới đường tỉnh, đường liên xã

Phát triển mạng lưới đường tỉnh, đường đô thị, đường ven biển, đường vành đai, đường liên kết vùng và đường liên xã, bảo đảm kết nối từ các trục giao thông quốc gia đến đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch, cảng biển, cảng hàng không, ga đường sắt, trung tâm logistics và các khu vực phát triển mới.

Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường liên xã phù hợp với vai trò từng tuyến; từng bước xây dựng nút giao khác mức, cầu vượt, cầu qua sông, cầu qua đầm, tuyến tránh khu dân cư và đường gom trên các trục có lưu lượng lớn.

Hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển từ Đại Lãnh đến Cà Ná, tạo trục phát triển kinh tế biển, du lịch, đô thị ven biển và quốc phòng – an ninh. Các công trình vượt biển, cầu qua vịnh, cầu qua đầm hoặc đoạn tuyến có yêu cầu kỹ thuật đặc biệt được cụ thể hóa trong giai đoạn lập dự án đầu tư.

Ưu tiên kết nối Đại Lãnh – Vạn Ninh – Ninh Hòa ở phía Bắc; Nha Trang – Diên Khánh – Cam Lâm – Cam Ranh ở khu vực trung tâm; Cam Ranh – Phan Rang – Cà Ná – Thành Sơn ở phía Nam.

3. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển

Phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển theo mô hình hệ thống cảng biển đa khu bến, có phân công chức năng rõ ràng, gắn với khu kinh tế, khu công nghiệp, trung tâm logistics, đô thị biển, du lịch và quốc phòng – an ninh. Hạ tầng cảng biển được phát triển đồng bộ với luồng hàng hải, vùng nước trước bến, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu hậu cần sau cảng và các tuyến kết nối đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không.

Khu bến Bắc Vân Phong ưu tiên phát triển cảng nước sâu, có khả năng tiếp nhận tàu trọng tải lớn, phục vụ container, hàng tổng hợp, hàng rời, tàu khách quốc tế và dịch vụ hàng hải. Khu bến Nam Vân Phong phát triển hàng tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí, công nghiệp năng lượng, đóng tàu, sửa chữa tàu biển và logistics.

Khu bến Nha Trang ưu tiên hành khách, tàu du lịch quốc tế, du thuyền và dịch vụ đô thị biển. Khu bến Cam Ranh phát triển hàng hóa tổng hợp, dịch vụ hàng hải, du lịch và bảo đảm yêu cầu quốc phòng – an ninh. Khu bến Cà Ná phát triển thành đầu mối cảng tổng hợp phía Nam tỉnh, phục vụ công nghiệp, năng lượng, logistics, hàng rời, hàng lỏng/khí và kết nối hành lang Cà Ná – Tây Nguyên. Bến cảng Ninh Chữ phát triển phù hợp với chức năng du lịch, dịch vụ, hành khách và đô thị ven biển.

Quản lý chặt chẽ vùng đất, vùng nước cảng biển; bảo vệ hành lang luồng tàu, khu neo đậu, khu quay trở, vùng nước trước bến và quỹ đất hậu phương cảng. Lộ trình đầu tư kết cấu hạ tầng cảng biển thực hiện phù hợp với khả năng huy động

nguồn lực, nhu cầu thị trường, yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội và quy hoạch chuyên ngành được phê duyệt.

Quản lý chặt chẽ vùng đất, vùng nước trước bên thủy nội địa; không để lấn chiếm luồng tuyến, thu hẹp khu quay trở hoặc gây xung đột với hoạt động cảng biển, du lịch, nuôi trồng thủy sản, bảo tồn biển và quốc phòng – an ninh.

4. Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa

Phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa nhằm khai thác lợi thế vịnh, đầm, cửa sông, ven biển và đảo; phục vụ vận tải hành khách, du lịch, hàng hóa cự ly ngắn, hậu cần nghề cá, dịch vụ ven biển và kết nối dân sinh.

Khu vực phía Bắc quy hoạch các khu vực phát triển giao thông đường thủy nội địa tại vịnh Vân Phong, đầm Nha Phu, vịnh Nha Trang và vịnh Cam Ranh. Khu vực phía Nam quy hoạch hệ thống bến, cảng thủy nội địa tại Bãi Kinh, Vĩnh Hy, Thái An, Bình Sơn – Ninh Chữ, Đông Hải, Mũi Dinh, Cà Ná; giai đoạn dài hạn nghiên cứu bổ sung bến thủy tại Bình Tiên, Hòn Đỏ và các khu vực phù hợp.

Phát triển bên du thuyền, cảng hành khách quốc tế, dịch vụ du lịch biển và thủy phi cơ tại Bắc Vân Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh; nghiên cứu khu neo đậu tàu du lịch tại vịnh Nha Trang, Cam Ranh, Vân Phong và Vĩnh Hy.

Rà soát, sắp xếp, chuẩn hóa hệ thống bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông và bến chuyên dùng; bảo đảm vùng đất sau bến, vùng nước trước bến, luồng vào bến, khu quay trở, hệ thống báo hiệu, đường tiếp cận, hạ tầng kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ môi trường.

VIII. Phương án phát triển nguồn điện và mạng lưới cấp điện

Phát triển nguồn điện gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với quy hoạch điện lực quốc gia. Tiếp tục xây dựng, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp, đường dây 500kV, 220kV, 110kV, đường dây trung thế, hạ thế đầu nối vào nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải, nhất là tại các khu kinh tế mới, khu công nghiệp, đô thị; từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung hạ thế hiện có. Việc triển khai các nguồn điện để bù đắp, thay thế các dự án nguồn điện chậm tiến độ hoặc các dự án không triển khai đảm bảo nguyên tắc không làm tăng tổng công suất lắp đặt theo cơ cấu từng loại hình nguồn điện trong quy hoạch phát triển điện lực đã được phê duyệt hoặc được điều chỉnh bổ sung thêm vào Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia phải phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực quốc gia và tuân thủ theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

IX. Phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông

- Hạ tầng viễn thông băng rộng: Nghiên cứu xây dựng các hạ tầng số đóng vai trò là hệ điều hành của đô thị. Mở rộng vùng phủ sóng di động mạng 5G, chuẩn bị cho các thành phố lớn thử nghiệm mạng 6G. Xây dựng hạ tầng Internet vạn vật (IoT) và tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào các hệ thống hạ tầng thiết yếu. Nghiên cứu xây dựng trung tâm dữ liệu, hạ tầng IoT cho một số

khu vực phát triển trọng điểm; xây dựng hạ tầng số cho khu công nghiệp, các cảng cạn, kho bãi; xây dựng các khu công nghiệp công nghệ số tập trung, khu đổi mới sáng tạo tuân thủ theo quy định hiện hành.

- Công trình viễn thông liên quan đến an ninh quốc gia: Hình thành trung tâm dữ liệu (cấp tỉnh) xanh và hỗ trợ AI; Trung tâm dữ liệu quốc gia. Xây dựng các tuyến truyền dẫn cáp quang nối vòng để bảo mật thông tin và phát triển hạ tầng tiện ích số dùng chung cho nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Hạ tầng mạng cố định: Tăng cường kết nối mạng cáp quang liên tỉnh, đồng thời xây dựng tuyến truyền dẫn cáp quang nội tỉnh đảm bảo dung lượng cao.

- Hạ tầng mạng di động:

+ Đẩy mạnh đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng mạng viễn thông di động với trọng tâm là phát triển hệ thống trạm thu phát sóng (BTS) mạng 5G phủ rộng đến 100% các thôn, bản, tổ dân phố, đảm bảo tỷ lệ người dân được tiếp cận dịch vụ băng rộng di động đạt 100%.

+ Quy hoạch và thực hiện xây dựng hạ tầng BTS bền vững, thân thiện với môi trường và tích hợp hài hòa với cảnh quan đô thị; chia sẻ, dùng chung hạ tầng viễn thông (nhà trạm, cột anten, truyền dẫn), tích hợp thêm các tiện ích thông minh như chiếu sáng, giám sát an ninh và cảm biến môi trường để phục vụ chuyển đổi số toàn diện.

- Hạ tầng mạng cáp, cột treo cáp, công trình ngầm: Quy hoạch cáp treo trên cột viễn thông phải tuân thủ tiêu chuẩn kỹ thuật và an toàn. Đẩy nhanh tiến độ cáp ngầm trong các tuyến đường phố đô thị, đường trên địa bàn tỉnh, khu công nghiệp và đô thị mới.

- Hạ tầng mạng cố định:

+ Tập trung nâng cấp, mở rộng hệ thống cáp quang liên tỉnh và nội tỉnh với công nghệ băng rộng hiện đại, đảm bảo tính dự phòng và khả năng truyền dẫn dung lượng lớn phục vụ chuyển đổi số. Mục tiêu phát triển mới ít nhất 1.000km cáp quang, ưu tiên nâng cấp hạ tầng lõi tại các khu vực đô thị trung tâm để đáp ứng nhu cầu kết nối tốc độ cao, xóa "vùng lõm" sóng, chú trọng đầu tư hệ thống cáp quang ngầm xuyên biển để cung cấp dịch vụ Internet băng rộng ổn định cho các thôn đảo, đảm bảo an ninh thông tin và phát triển kinh tế biển bền vững.

+ Phát triển hạ tầng mạng lưới bưu chính gồm: Trung tâm bưu chính vùng 9 tại tỉnh Khánh Hòa, là trung tâm đầu mối logistics thông minh, tích hợp các dịch vụ bưu chính số hóa, phục vụ không chỉ Khánh Hòa mà cả các tỉnh lân cận trong khu vực. Sự phát triển của trung tâm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại điện tử, dịch vụ hậu cần thông minh, và thúc đẩy kinh tế số trong lĩnh vực đô thị và du lịch.

- Phát triển dịch vụ băng rộng: Phổ cập điện thoại thông minh tới hầu hết người dân trên địa bàn tỉnh, phát triển dịch vụ di động băng rộng, phát triển dịch vụ Internet băng rộng cố định.

X. Phương hướng phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước

1. Phương án phát triển thủy lợi

Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi nhằm bảo đảm chủ động nguồn nước phục vụ sản xuất, dân sinh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Trọng tâm là phát triển, nâng cấp các hồ chứa nước; xây dựng công trình phòng, chống xâm nhập mặn; đập dâng, trạm bơm; kiên cố hóa hệ thống kênh mương; đồng thời nghiên cứu, phát triển các giải pháp chuyển nước liên lưu vực, liên vùng, kết nối các hồ chứa và thúc đẩy sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Khu vực phía Bắc: Ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp các hồ chứa nước, công trình ngăn mặn, đập dâng, trạm bơm và kiên cố hóa hệ thống kênh mương nhằm nâng cao năng lực trữ, điều tiết và cấp nước phục vụ sản xuất và dân sinh.

Khu vực phía Nam: Ưu tiên phát triển các giải pháp chuyển nước liên lưu vực, liên vùng; tăng cường kết nối, điều hòa nguồn nước giữa các hồ chứa; Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu cây trồng, áp dụng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm chủ động nguồn nước cho các khu vực khô hạn.

2. Phương án cấp nước

- Quy hoạch phân vùng cấp nước thành 8 vùng cấp nước chính trên toàn tỉnh gồm: (i) Xã Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Thắng, Vạn Ninh; (ii) Vùng lưu vực sông Cái của Ninh Hòa, bao gồm toàn bộ các phường Ninh Hòa, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng; các xã Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Hòa Trí và khu vực phía Bắc của tỉnh; (iii) Lưu vực sông Cái Nha Trang, bao gồm các xã Bắc Khánh Vĩnh, Trung Khánh Vĩnh, Tây Khánh Vĩnh, Nam Khánh Vĩnh, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Diên Lâm, Diên Thọ, Suối Hiệp, các phường Nha Trang, Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang, Nam Nha Trang và xã Suối Dầu; (iv) Vùng Cam Lâm - Cam Ranh, bao gồm các xã Cam Hiệp, Cam Lâm, Cam An, các phường Bắc Cam Ranh, Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi và xã Nam Cam Ranh; (v) Vùng Tô Hạp, bao gồm toàn bộ các xã Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn; (vi) Vùng núi Tây Nam, bao gồm khu vực các xã Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Bắc Ái Đông, Bắc Ái, Bắc Ái Tây; (vii) Phía Bắc sông Cái Phan Rang, bao gồm các khu vực các xã Thuận Bắc, Công Hải, Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải, các phường Phan Rang, Đông Hải, Ninh Chữ, Bảo An, Đô Vinh; (viii) Phía Nam sông Cái Phan Rang, bao gồm các xã Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà, Phước Dinh.

- Tập trung quản lý nước hiệu quả, tích hợp, thích ứng với khí hậu, ưu tiên nâng cấp, kết nối cơ sở hạ tầng cấp nước hiện có và mới, giảm sự phụ thuộc vào nước ngầm.

- Tập trung phát triển hệ thống giao thông nước liên vùng, nhất là đối với khu vực phía Nam để bị hạn hán.

3. Phương án thoát nước

Phương án thoát nước theo hướng tăng cường khả năng tiêu thoát lũ, bảo đảm phù hợp với điều kiện tự nhiên và yêu cầu phát triển của địa phương, trong đó:

- Triển khai các giải pháp chỉnh trị, nạo vét, mở rộng và gia cố các trục tiêu, kênh thoát lũ; kết hợp vận hành hợp lý các hồ chứa nhằm cắt, giảm lũ cho khu vực hạ du.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm soát, tiêu thoát lũ đối với các lưu vực sông như Sông Dinh Ninh Hòa, Sông Cái Nha Trang, Sông Cái Phan Rang, Sông Lu, Sông Quao và các lưu vực liên quan; qua đó chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do lũ lụt, bảo đảm an toàn cho người dân, cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất, góp phần phát triển kinh tế – xã hội bền vững và nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

XI. Phương án phát triển khu xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

1. Xử lý chất thải rắn

- Xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Ưu tiên nâng cấp, cải tạo, mở rộng các cơ sở xử lý chất thải rắn hiện có. Ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại tại các cơ sở xử lý chất thải rắn quy mô lớn, cấp tỉnh. Đến năm 2030, 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý hợp vệ sinh.

- Xử lý chất thải rắn công nghiệp: Thiết lập mạng lưới các cơ sở xử lý chuyên ngành, đa dạng hóa công nghệ xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại bằng công nghệ tiên tiến, hiện đại. Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất; chất thải nguy hại phải được xử lý riêng tại cơ sở xử lý chất thải nguy hại được cấp phép theo quy định.

2. Xử lý chất thải y tế

Các cơ sở y tế thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. Thu gom chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế và vận chuyển đến các nhà máy tái chế. Chất thải y tế thông thường, nguy hại được xử lý theo quy định.

3. Bố trí và phân bố không gian nghĩa trang

Tiếp tục thực hiện theo quy hoạch nghĩa trang cấp tỉnh đã được phê duyệt. Thực hiện di dời triệt để các nghĩa trang gây ô nhiễm môi trường không thể khắc phục; các khu vực có nguy cơ sạt lở; các nghĩa trang nằm trong phạm vi thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội; không phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

XII. Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy:

Định hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy (PCCC) của tỉnh Khánh Hòa tập trung xây dựng một mạng lưới đồng bộ, hiện đại và đa tầng, có khả năng bao phủ toàn bộ không gian đô thị, công nghiệp, du lịch, vùng rừng và ven biển, đồng thời đảm bảo liên kết và chi viện vùng khi xảy ra sự cố lớn. Hệ thống được thiết kế gắn với điều kiện địa hình và mức độ rủi ro, với mục tiêu đảm bảo phương tiện PCCC tiếp cận 100% khu dân cư và các khu vực nguy cơ cao; phát triển đồng bộ hạ tầng giao thông, nguồn nước chữa cháy, và hệ thống thông tin chỉ huy – điều hành tích hợp, cho phép tiếp nhận, xử lý và điều phối sự cố nhanh chóng, chính xác trên toàn tỉnh.

Về tổ chức không gian và lực lượng, tỉnh định hướng bố trí các đơn vị PCCC gần các khu vực trọng điểm, mở rộng mạng lưới đội chữa cháy khu vực, nâng cấp cơ sở hiện hữu và phát triển lực lượng tại chỗ (cơ sở, chuyên ngành, dân phòng) gắn với các khu dân cư, khu công nghiệp và doanh nghiệp. Đồng thời, tăng cường liên kết vùng trong ứng phó, huấn luyện và chia sẻ hạ tầng. Các hệ thống giao thông đa phương thức (đường bộ, thủy, biển, sắt, hàng không), mạng lưới cấp nước và thông tin liên lạc đều được quy hoạch đảm bảo phục vụ hiệu quả công tác PCCC. Bên cạnh đó, các khu phát triển mới và công trình xây dựng phải tuân thủ nghiêm ngặt quy chuẩn PCCC, đảm bảo an toàn, khả năng tiếp cận và ứng phó khi xảy ra sự cố.

XIII. Phương hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (nếu có)

Quy hoạch tại Vịnh Vân Phong, Vịnh Nha Trang, Vịnh Cam Ranh, Vịnh Phan Rang, khu vực Cà Ná, một số đảo thuộc Đặc khu Trường Sa có cỡ tàu phù hợp với điều kiện thực tế. Chi tiết tuân thủ theo Quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; theo Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

XIV. Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội

1. Hạ tầng thương mại, dịch vụ

- Duy trì, nâng cấp, cải tạo và khai thác hiệu quả các cơ sở thương mại hiện có còn phù hợp về vị trí, quy mô và chức năng phục vụ; bảo đảm an toàn và hoạt động ổn định, liên tục.

- Chú trọng phát triển hạ tầng thương mại (gồm cả thương mại truyền thống và thương mại điện tử, nhất là thương mại điện tử xuyên biên giới); định hướng phát triển đối với một số loại hình hạ tầng thương mại, như: mạng lưới chợ theo phân cấp, gắn với vùng nguyên liệu và nhu cầu tiêu dùng; siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị trung tâm, khu đô thị mới, khu du lịch; quy hoạch trung tâm logistics, trung tâm phân phối, kho lạnh, kho vận thương mại điện tử tại các hành lang kinh tế và đầu mối giao thông; hạ tầng thương mại số, truy xuất nguồn

gốc, dữ liệu thị trường, thanh toán không dùng tiền mặt. Trên cơ sở đó, xác định quỹ đất ưu tiên cho phát triển hạ tầng thương mại quy mô lớn.

- Đến năm 2030, quy hoạch và phát triển mới các cơ sở thương mại, bao gồm chợ, siêu thị và trung tâm thương mại, phù hợp với phân bố dân cư, nhu cầu và định hướng phát triển đô thị; đồng thời nâng cao chất lượng hạ tầng, vệ sinh môi trường, phòng cháy chữa cháy, khả năng tiếp cận và tiêu chuẩn dịch vụ; phát triển hạ tầng thương mại theo hướng xanh, hiện đại, bền vững; khuyến khích mô hình logistics xanh, thương mại xanh, ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Tại các đô thị có mật độ dân cư phân bố đông đúc, tập trung phát triển các loại hình trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm thương mại hiện đại. Tại khu vực nông thôn, nâng cấp, mở rộng mạng lưới chợ bán lẻ tại các xã; hình thành các trục thương mại dọc các trục giao thông liên thôn, liên xã.

- Định hướng đầu tư xây dựng Trung tâm Hội chợ - Triển lãm Xúc tiến Thương mại cấp tỉnh tại khu vực phường Nha Trang (khu vực sân bay cũ Nha Trang) và khu vực phía Nam tỉnh Khánh Hòa; và Trung tâm Hội chợ - Triển lãm Xúc tiến Thương mại cấp khu vực, đặt tại khu vực Cam Lâm.

- Phát triển trung tâm logistics trong Khu kinh tế Vân Phong; trung tâm logistics loại II tại xã Nam Cam Ranh, gắn với Khu công nghiệp Nam Cam Ranh; trung tâm logistics tại các khu vực phù hợp tại Cà Ná, Ninh Chữ.

- Phát triển hạ tầng dự trữ và cung ứng xăng dầu, khí đốt phù hợp với các quy hoạch ngành quốc gia, bảo đảm thống nhất với quy hoạch hạ tầng xăng dầu, khí đốt đã được phê duyệt và các quy hoạch liên quan.

- Từng bước nghiên cứu, chuẩn bị và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để phát triển Tổ hợp công nghiệp năng lượng Nam Vân Phong, gắn với hạ tầng cảng lỏng/khí, kho LNG, LPG, kho xăng dầu, sản xuất hydro xanh và pin nhiên liệu mới; hướng tới hình thành trung tâm dự trữ năng lượng chiến lược, khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Phát triển các khu du lịch biển dọc các tuyến đường ven biển, bên du thuyền; phát triển các khu thể thao gắn với du lịch nghỉ dưỡng, khu đô thị tại các vị trí phù hợp trên cơ sở đảm bảo các quy định hiện hành.

2. Phương án phát triển hạ tầng giáo dục và đào tạo

- Phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại các cấp, bảo đảm tiếp cận công bằng, nâng cao chất lượng thông qua nâng cấp cơ sở vật chất, tiêu chuẩn.

- Đa dạng hóa nguồn cung cấp giáo dục thông qua việc mở rộng, phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Đẩy mạnh, khuyến khích xã hội hóa trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học. Cơ cấu lại các trường công lập, đặc biệt là ở các khu vực đô thị và công nghiệp phát triển nhanh;

- Đến năm 2030, 100% cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông có phòng học kiên cố và các phòng chức năng cần thiết.

- Phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng xã hội hóa, huy động đa dạng các nguồn vốn đầu tư để xây dựng một số cơ sở đào tạo đạt chuẩn quốc tế.

- củng cố, nâng cấp và mở rộng cơ sở hạ tầng giáo dục đại học, bao gồm cơ sở đào tạo của Trường Đại học Khánh Hòa, Phân hiệu Trường Đại học Y dược Buôn Ma Thuột và Trường Đại học Nha Trang, phục vụ phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu ứng dụng, chuyển đổi kinh tế - xã hội dài hạn, gắn với phát triển các trung tâm nghiên cứu và đào tạo. Thu hút các trường đại học trong và ngoài nước thành lập chi nhánh, cơ sở đào tạo trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Phương án phát triển hạ tầng y tế

- Tăng cường hạ tầng y tế dự phòng, chăm sóc sức khỏe ban đầu làm nền tảng của hệ thống, tăng cường vai trò của trạm y tế xã.

- Phát triển hạ tầng y tế chuyên ngành, công nghệ cao đáp ứng nhu cầu thực tiễn và yêu cầu hội nhập quốc tế, đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện về hạ tầng y tế thông qua xây dựng hệ thống dữ liệu y tế tương tác, nền tảng số, mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ công nghệ.

- Thúc đẩy đầu tư đa dạng và sự tham gia của khu vực tư nhân vào phát triển cơ sở hạ tầng y tế thông qua huy động các nguồn lực xã hội, phân bổ nguồn lực đất đai cho cơ sở hạ tầng y tế một cách hiệu quả, mở rộng năng lực dịch vụ thông qua hội nhập khu vực công-tư và ngoài công lập.

- Nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa thành bệnh viện trọng điểm khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Xây dựng hệ thống y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh đồng bộ, có khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh truyền nhiễm, không lây nhiễm, bệnh liên quan đến môi trường sống.

4. Phương án phát triển hạ tầng an sinh xã hội

Huy động đa dạng nguồn lực để xây dựng hệ thống hạ tầng an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh xã hội hóa an sinh xã hội; tiếp tục rà soát, sắp xếp, đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở trợ giúp xã hội hiện có; đồng thời, ưu tiên, khuyến khích nâng cấp một số cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập nhằm bảo đảm đủ điều kiện chăm sóc, trợ giúp người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người bệnh tâm thần, người nghiện ma túy và người cần được bảo vệ khẩn cấp.

5. Phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao

- Tập trung công tác trùng tu, tôn tạo di tích; thiết lập mạng lưới hạ tầng văn hóa chuẩn hóa trên tất cả các cấp hành chính; bảo đảm cơ sở vật chất văn hóa

cấp tỉnh được đầu tư bài bản, đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng dịch vụ đối với các sự kiện cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế; phát huy bảo tồn di sản văn hóa Chăm, trong đó có nghệ thuật làm gốm của người Chăm được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể.

- Nghiên cứu phát triển Nhà hát biểu diễn nghệ thuật gắn với Trung tâm trung bày, triển lãm biểu tượng đặc trưng du lịch biển của tỉnh Khánh Hòa.

- Mở rộng, chuẩn hóa cơ sở hạ tầng thể thao cơ sở để hỗ trợ phong trào thể dục quần chúng, tham gia thể thao thường xuyên. Phát triển, chuẩn hóa cơ sở vật chất thể thao cấp xã, phường, bảo đảm 100% đơn vị hành chính này được trang bị cơ sở vật chất tập luyện, thi đấu đa năng.

- Xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh Khánh Hòa là trung tâm của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

- Bảo đảm quỹ đất và không gian để mở rộng khu vực và xây dựng mới kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao.

6. Phương án phát triển hạ tầng thông tin, truyền thông, báo chí

- Phát triển hạ tầng thông tin – truyền thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, số hóa toàn diện, đóng vai trò nền tảng cho chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

- Bảo đảm tiếp cận thông tin nhanh chóng, chính xác, bình đẳng cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- Chuyển đổi số toàn diện hệ thống báo chí, truyền thông và thông tin cơ sở, hướng tới mô hình đa phương tiện, tòa soạn hội tụ, truyền thanh thông minh.

- Phát triển hạ tầng truyền dẫn và phát sóng đa nền tảng (Internet, di động băng rộng, truyền hình số...), mở rộng độ phủ và nâng cao chất lượng dịch vụ.

- Gắn phát triển hạ tầng với hình thành hệ sinh thái nội dung số và các nền tảng phân phối thông tin trên môi trường mạng.

- Tăng cường quản lý, bảo đảm an toàn không gian thông tin số, chủ động kiểm soát và xử lý thông tin vi phạm.

- Phát triển kinh tế báo chí và xuất bản bền vững, dựa trên nền tảng số, dữ liệu và các mô hình phân phối hiện đại.

- Đầu tư hệ thống thông tin cơ sở và phát hành nhằm thu hẹp khoảng cách tiếp cận thông tin giữa các vùng, đặc biệt vùng sâu, vùng xa.

7. Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ

- Phát triển hạ tầng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, phục vụ chuyển đổi số, kinh tế số và các ngành kinh tế trọng điểm, tạo nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững của tỉnh, trọng tâm là phát triển hạ tầng dữ liệu, viễn thông thế hệ mới, logistics thông minh, khu công nghệ số tập trung và các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Phát triển hệ thống các trung tâm dữ liệu như: Trung tâm dữ liệu quốc gia; trung tâm dữ liệu cấp vùng, cấp tỉnh (chức năng là Trung tâm dữ liệu đa mục tiêu) và trung tâm dự phòng dữ liệu nhằm phục vụ chính quyền số, kinh tế số và nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu quy mô lớn. Đồng thời, phát triển các khu công nghệ số tập trung, công viên đổi mới sáng tạo và các trung tâm nghiên cứu công nghệ nhằm hình thành hệ sinh thái công nghệ cao gắn với các cực tăng trưởng của tỉnh.

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm Nghiên cứu Quốc gia về Công nghệ Đại dương, liên kết với Viện Hải dương học Nha Trang. Nâng cao năng lực của Trung tâm chuyển đổi số theo hướng trở thành trung tâm vận hành, điều phối trọng tâm các hệ thống, nền tảng số dùng chung của tỉnh.

XV. Định hướng sử dụng đất

Đảm bảo việc sử dụng đất có hiệu quả, tiết kiệm; đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong tương lai; tuân thủ theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; phát triển giáo dục, văn hóa, thể thao; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; tạo động lực cho sự phát triển của tỉnh. Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý, phù hợp với định hướng sử dụng đất trong quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ cho tỉnh Khánh Hòa và các quy hoạch khác có liên quan.

XVI. Phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

1. Phương hướng về phân vùng môi trường đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường tỉnh Khánh Hòa theo các khu bảo vệ nghiêm ngặt, khu hạn chế phát thải và các khu vực khác để làm cơ sở thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Khu vực bảo vệ nghiêm ngặt, bao gồm: Khu dân cư tập trung trong đô thị (nội đô loại I, loại II, loại III); nguồn nước mặt sử dụng vào mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước; khu bảo tồn thiên nhiên; khu vực bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa; khu vực lõi của di sản thiên nhiên.

- Vùng hạn chế phát thải, bao gồm: Vùng đệm của vùng được bảo vệ nghiêm ngặt; các vùng đất ngập nước quan trọng; hành lang bảo vệ nguồn nước mặt sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu dân cư tập trung là nội thành; khu vui chơi giải trí dưới nước theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Các khu vực có các yếu tố nhạy cảm với môi trường dễ bị ảnh hưởng bởi các ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ.

- Các vùng môi trường khác: Các khu vực còn lại.

2. Xác định khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan

trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

- Các khu bảo tồn thiên nhiên:

Khu bảo tồn thiên nhiên Hòn Bà được định hướng bảo tồn hệ sinh thái rừng đặc dụng.

Khu bảo tồn biển vịnh Nha Trang được quy hoạch gắn với các phường Nha Trang, Bắc Nha Trang, Nam Nha Trang; ưu tiên bảo vệ cảnh quan tự nhiên, phục hồi rừng tại Hòn Tre, Hòn Tằm, Trí Nguyên và bảo tồn hệ sinh thái biển tại Đầm Báy, Bích Đầm.

Vườn quốc gia Núi Chúa và Vườn quốc gia Phước Bình tiếp tục thực hiện chức năng bảo tồn hệ sinh thái, nguồn gen và phục vụ nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường. Khu dự trữ thiên nhiên Đầm Nai được định hướng phục hồi rừng ngập mặn và phát triển du lịch sinh thái cộng đồng.

- Các khu vực có đa dạng sinh học cao:

Khu vực Phan Rang – Hòn Cau được xác định là vùng đa dạng sinh học cao cần bảo tồn hệ sinh thái ven biển và sinh cảnh các loài quý hiếm.

Khu rừng kín thường xanh nhiệt đới Ninh Thuận, trải rộng trên các xã Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Phước Dinh, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà và phường Đô Vinh, được ưu tiên bảo vệ nguyên trạng và nâng cao chất lượng rừng.

- Hành lang đa dạng sinh học và cảnh quan sinh thái quan trọng:

Khu vực Vịnh Cam Ranh – Đầm Thủy Triều được định hướng phát triển du lịch nghỉ dưỡng biển gắn với bảo vệ hệ sinh thái ven biển và hành lang sinh thái.

Khu vực nước trời Ninh Thuận – Bình Thuận, thuộc Khánh Hòa và Lâm Đồng, được định hướng bảo vệ hệ sinh thái biển, duy trì nguồn lợi thủy sản và phát triển kinh tế biển xanh bền vững.

3. Phương hướng về điểm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đã được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường

Nghiên cứu, xây dựng các trạm, điểm quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn; điểm quan trắc định kỳ môi trường nước mặt; trạm, điểm quan trắc môi trường nước biển ven bờ; điểm quan trắc môi trường nước dưới đất; điểm quan trắc định kỳ môi trường trầm tích; trạm quan trắc san hô; trạm quan trắc cỏ biển phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

4. Phương hướng quản lý về địa chất, khoáng sản

a) Các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định của pháp luật và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền..

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác và chế biến các khu, điểm mỏ khoáng sản phải theo quan điểm phát triển bền vững, được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát, điều chỉnh, bổ sung khu vực thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, theo đúng trình tự, thủ tục quy định, không hợp thức hóa sai phạm và thực hiện theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tận dụng tối đa nguồn đất, đá thải mỏ sử dụng làm nguyên liệu sản xuất cát nghiền công nghiệp, vật liệu san lấp mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh, giảm áp lực lên các bãi thải mỏ.

XVII. Phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh

Bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh tuân thủ đúng quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt góp phần đảm bảo tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh.

Phát triển lâm nghiệp bền vững thông qua các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng. Các nội dung trọng tâm như: Rà soát diện tích rừng tự nhiên hiện có để xác lập rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất; Tổ chức quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả các diện tích rừng hiện có; Trồng mới, khoanh nuôi, phục hồi và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất nhằm duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng và nâng cao chất lượng rừng; Xây dựng các dự án đầu tư bảo vệ và khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển; Tập trung hình thành các vùng nguyên liệu sản xuất gỗ lớn, hình thành các chuỗi trong sản xuất lâm nghiệp, cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững....

1. Phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất

- Rừng đặc dụng: Quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt đất quy hoạch rừng đặc dụng; bảo tồn các hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng quý hiếm, các khu vực có giá trị đa dạng sinh học cao và các hành lang sinh thái quan trọng.

- Rừng phòng hộ: Ổn định đất quy hoạch rừng phòng hộ; bảo vệ nghiêm các khu vực rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, khu vực có nguy cơ xói mòn, sạt lở đất và các vùng sinh thái nhạy cảm nhằm nâng cao khả năng phòng hộ, bảo vệ nguồn nước, chống xói mòn đất và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Rừng sản xuất: Phát triển rừng sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng rừng; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn, chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang kinh doanh gỗ lớn, sử dụng giống cây lâm nghiệp chất lượng cao và phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

2. Phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp

Phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp tập trung xây dựng hệ thống đồng bộ, hiện đại phục vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trong bối cảnh phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân.

Tiếp tục duy trì, tu sửa và bảo dưỡng hệ thống đường lâm nghiệp, công trình bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng hiện có để đảm bảo hoạt động hiệu quả trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng kết hợp cho hoạt động du lịch sinh thái nghỉ dưỡng giải trí trong rừng. Phát triển cơ sở hạ tầng lâm nghiệp mới thống nhất, đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh phù hợp với đặc điểm khu rừng để tăng cường năng lực quản lý, bảo vệ, phòng cháy chữa cháy rừng; Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp Ban quản lý rừng đặc dụng, Ban quản lý rừng phòng hộ, trạm kiểm lâm, trạm bảo vệ rừng... Phát triển kết cấu hạ tầng phòng cháy chữa cháy rừng, bao gồm tháp canh cháy rừng, đường băng phòng cháy chữa cháy..., bảo đảm kinh phí đầu tư duy trì, xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng lâm nghiệp phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

XVIII. Phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra:

1. Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh;

- Vùng Vạn Ninh, bao gồm tiểu vùng Bắc Vạn Ninh với xã Tu Bông và một phần xã Đại Lãnh; Tiểu vùng Nam Vạn Ninh với phần còn lại của xã Đại Lãnh, và xã Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng.

- Vùng lưu vực sông Cái (Ninh Hòa), bao gồm tiểu vùng thượng nguồn sông Cái (Ninh Hòa), tiểu vùng thủy lợi Đá Bàn, tiểu vùng Nam Ninh Hòa, tiểu vùng bán đảo ven biển, tiểu vùng sông Rọ Tượng.

- Vùng lưu vực sông Cái (Nha Trang), bao gồm tiểu vùng thượng nguồn sông Cái (Nha Trang), tiểu vùng Bắc sông Cái (Nha Trang), tiểu vùng Nam sông Cái (Nha Trang).

- Vùng Cam Lâm - Cam Ranh, bao gồm tiểu vùng Bắc Cam Lâm - Cam Ranh, tiểu vùng Nam Cam Lâm - Cam Ranh.

- Vùng Tô Hạp, bao gồm toàn bộ diện tích các xã Khánh Sơn, Tây Khánh Sơn, Đông Khánh Sơn.

Phía Nam của tỉnh có 3 vùng chính và 9 tiểu vùng:

+ Vùng I – Miền núi phía Bắc, gồm 4 tiểu vùng: sông Sắt – lưu vực sông Trà Co, sông Ông và thượng nguồn sông Cái, sông Cho Mo – lưu vực suối Ngang; Lưu vực sông Than.

+ Vùng II – Khu vực phía bắc sông Cái, gồm 2 tiểu vùng: lưu vực sông Trâu, lưu vực sông suối ven biển.

+ Vùng III – Khu vực phía nam sông Cái, bao gồm các xã Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà, Phước Dinh, được chia thành ba tiểu vùng: lưu vực sông Quao; Lưu vực sông Lư; Lưu vực sông suối ven biển.

2. Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ quy hoạch; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt

2.1. Tính toán nhu cầu sử dụng nước

Nhu cầu sử dụng nước được tính toán theo từng ngành và khu vực, bảo đảm cân bằng giữa nguồn nước và phát triển kinh tế - xã hội. Nước sinh hoạt tiếp tục được ưu tiên cao nhất; nhu cầu công nghiệp, du lịch tăng mạnh, trong khi nhu cầu nông nghiệp có xu hướng giảm nhờ chuyển đổi cơ cấu và tiết kiệm nước.

2.2. Tính toán tài nguyên nước

Nguồn nước của tỉnh có sự phân hóa rõ rệt giữa phía Bắc tương đối dồi dào và phía Nam khan hiếm, chịu tác động mạnh của khí hậu khô hạn và biến đổi khí hậu. Quy hoạch xác định tiềm năng nước mặt, nước dưới đất và dòng chảy môi trường làm cơ sở quản lý, khai thác và bảo vệ nguồn nước bền vững.

2.3. Tính toán phân bổ nguồn nước

Việc phân bổ nguồn nước được thực hiện theo nguyên tắc tổng hợp, ưu tiên nước sinh hoạt và bảo đảm dòng chảy môi trường. Một số khu vực như Vạn Ninh, sông Cái Ninh Hòa, Tô Hạp và sông Cái Phan Rang có nguy cơ thiếu nước cao trong mùa khô, đặc biệt dưới kịch bản biến đổi khí hậu bất lợi.

2.4. Phương án phân vùng chức năng của nguồn nước

Nguồn nước được phân vùng theo lưu vực sông và hệ thống hồ chứa nhằm phục vụ cấp nước sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp, du lịch, phát điện và bảo vệ môi trường. Các hồ chứa, sông chính và công trình thủy lợi đóng vai trò quan trọng trong điều tiết nước, chống hạn và giảm lũ.

2.5. Xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ và nguồn nước dự phòng

Trong điều kiện bình thường, nước được ưu tiên cho sinh hoạt, công nghiệp và du lịch; khi hạn hán xảy ra, nước sinh hoạt được bảo đảm 100% trước khi phân bổ cho các ngành khác. Quy hoạch cũng xác định các nguồn nước dự phòng từ hồ chứa, sông suối và nước dưới đất nhằm bảo đảm cấp nước khi xảy ra sự cố hoặc thiếu nước kéo dài.

3. Phương hướng đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống giám sát tài nguyên nước của tỉnh được xây dựng trên cơ sở kế thừa và tích hợp các mạng lưới quan trắc trước đây thành một hệ thống thống nhất nhằm theo dõi số lượng, chất lượng nguồn nước và tình hình khai thác, sử dụng nước trên toàn tỉnh. Hệ thống bao gồm giám sát nước mặt, nước dưới đất, các công trình khai thác và hồ chứa, bảo đảm phục vụ quản lý, cảnh báo nguy cơ suy giảm, ô nhiễm, thiếu nước và hỗ trợ điều hành tài nguyên nước thích ứng với biến đổi khí hậu đến năm 2030, tầm nhìn 2050.

XIX. Phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh:

1. Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn

Khu vực đồng bằng ven biển, đô thị, ven sông có nguy cơ cao xảy ra bão, mưa lớn, lũ lụt, ngập úng, xâm nhập mặn; khu vực miền núi phía Tây có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất; và phần phía nam của tỉnh có nguy cơ hạn hán, nắng nóng và thiếu nước kéo dài rất cao.

2. Xây dựng phương hướng phòng chống lũ của các tuyến sông có đề

- Lưu vực sông Cái Ninh Hòa: Phương án phòng chống lũ tập trung vào phối hợp vận hành các hồ Đá Bàn, Ea Krông Rou và Suối Trầu nhằm giảm lũ cho hạ du Ninh Hòa, kết hợp chỉnh trị sông Tân Lâm, mở rộng tuyến tiêu úng và các cầu qua Quốc lộ 1A, đường sắt để tăng khả năng thoát lũ.

- Lưu vực sông Cái Nha Trang: Giải pháp chống lũ gồm vận hành, điều tiết hợp lý các hồ chứa ở thượng nguồn và các nhánh hợp lưu để cắt, giảm, chậm lũ cho khu vực hạ lưu. Đồng thời tiếp tục chỉnh trị sông Tắc, sông Quán Trường và xây dựng kênh thoát lũ Vĩnh Trung – Sông Cái nhằm giảm ngập khu vực phía Tây Nha Trang. Nghiên cứu giải pháp mở rộng, phân lưu hoặc bổ sung hướng tiêu thoát lũ cho Sông Cái về hướng phía Bắc để thoát ra biển.

- Khu vực sông Dinh (Đô thị Phan Rang – Tháp Chàm): Phương án tập trung nâng cấp đê bờ Bắc sông Dinh, xây dựng hệ thống kè chống sạt lở từ đập Nha Trinh đến cửa biển và triển khai các công trình bảo vệ bờ biển tại Thanh Hải, Hòn Đồi, Mỹ Tân, An Hải, Phước Dinh và khu vực Cà Ná – Hòn Cò để ứng phó lũ, triều cường và xói lở bờ biển.

3. Xây dựng phương hướng phát triển hệ thống đê điều

Phương án phát triển hệ thống đê điều của tỉnh tập trung nâng cấp, củng cố đê biển và đê sông nhằm tăng khả năng chống lũ, bão, triều cường và thích ứng với biến đổi khí hậu, đồng thời kết hợp phục vụ giao thông và phát triển kinh tế - xã hội. Tỉnh cũng tăng cường quản lý, bảo vệ hành lang đê điều, trồng cây phòng hộ ven biển và rà soát, nâng cấp tuyến đê bờ Bắc sông Dinh để bảo vệ Đô thị Phan Rang – Tháp Chàm trước nguy cơ lũ cực đoan.

4. Xây dựng phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

a) Phương án quản lý rủi ro thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch kinh tế - xã hội cấp tỉnh và địa phương, thực hiện phương pháp phòng ngừa là trên hết, tăng cường năng lực chuẩn bị, ứng phó và phục hồi.

- Nghiên cứu điều tra lịch sử, khôi phục lại các nhánh sông đã bị san lấp,... để đảm bảo giải quyết dứt điểm các điểm nghẽn thoát lũ.

- Chuyển đổi sản xuất và sinh kế nông nghiệp thông qua các giống cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu, hệ thống canh tác thích ứng, ứng dụng công nghệ sinh học, tăng cường bảo hiểm nông nghiệp.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm hệ thống thủy lợi, hồ chứa, mạng lưới thoát nước, kè, giao thông, nhà ở chống chịu thiên tai.

- Thúc đẩy thích ứng dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng thông qua bảo vệ rừng, hệ sinh thái ven biển và ven sông, đa dạng sinh học, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và hòa nhập giới.

- Tích hợp linh hoạt các giải pháp kết cấu và phi kết cấu, nhấn mạnh các biện pháp thích ứng đa mục đích, hiệu quả về chi phí và khu vực cụ thể.

- Tăng cường năng lực quản lý nhà nước thông qua quy hoạch tổng hợp, quản trị môi trường, giảm phát thải, phát triển năng lượng tái tạo, phối hợp liên ngành, liên vùng.

- Thúc đẩy giảm thiểu khí nhà kính thông qua hiệu quả năng lượng, mô hình tăng trưởng các-bon thấp, bảo vệ rừng và hệ sinh thái, và tham gia vào thị trường các-bon.

- Tăng cường các hệ thống hỗ trợ thích ứng, bao gồm cơ sở dữ liệu về khí hậu và thiên tai, hệ thống cảnh báo sớm, năng lực ứng phó chuyên môn, phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế.

b) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai

- Đầu tư, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống hồ chứa, công trình phòng, chống thiên tai và mạng lưới quan trắc, giám sát, dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn nhằm nâng cao năng lực điều tiết nguồn nước, cắt giảm lũ, bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu rủi ro thiên tai cho vùng hạ du.

- Phát triển đồng bộ hệ thống công trình điều tiết, kiểm soát lũ theo lưu vực sông; tăng cường phối hợp vận hành liên hồ chứa, thủy điện, đập dâng và công trình ngăn mặn trên các lưu vực sông Dinh Ninh Hòa, sông Cái Nha Trang, sông Cái Phan Rang, sông Quao, sông Lu và các lưu vực sông khác nhằm nâng cao

hiệu quả phòng, chống lũ, ngập lụt, hạn hán và bảo đảm an ninh nguồn nước. Nghiên cứu, đánh giá khả năng tiêu thoát lũ, ổn định lòng dẫn, phòng chống sạt lở; xác định các giải pháp bảo vệ khu dân cư, công trình hạ tầng hiện hữu, duy trì không gian thoát lũ và nâng cao khả năng thích ứng với ngập lụt trong quá trình phát triển các khu đô thị, khu dân cư và hạ tầng ven sông.

- Đầu tư nạo vét, cải tạo, mở rộng các tuyến tiêu thoát lũ, tiêu úng; củng cố, nâng cấp hệ thống kè bảo vệ bờ sông, bờ biển và các công trình phòng, chống sạt lở, bảo vệ khu dân cư, cơ sở hạ tầng, vùng sản xuất và các khu vực trọng điểm; ưu tiên các công trình chỉnh trị sông, kè bảo vệ kết hợp giao thông và các giải pháp công trình thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai theo hướng tăng khả năng chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển nhà ở an toàn, công trình công cộng đa chức năng phục vụ sơ tán dân cư, cứu hộ cứu nạn và ứng phó khẩn cấp khi xảy ra thiên tai.

XX. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

Danh mục dự án ưu tiên đầu tư thuộc Chương trình hành động số 15-CTr/TU ngày 27/02/2026 của Tỉnh ủy, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

XXI. Giải pháp, nguồn lực thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển, bảo đảm phù hợp với mục tiêu tăng trưởng hai con số và định hướng xây dựng Khánh Hòa trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên; xác định vốn đầu tư công là nguồn vốn “mồi”, giữ vai trò dẫn dắt, kích hoạt và lan tỏa các nguồn lực xã hội, ưu tiên tập trung cho các công trình hạ tầng kỹ thuật khung có tính lan tỏa lớn, kết nối liên vùng và liên tỉnh, đặc biệt là hạ tầng giao thông chiến lược (cao tốc, đường sắt tốc độ cao), hạ tầng năng lượng, điện hạt nhân, hạ tầng số, cảng biển, logistics, khu kinh tế, khu công nghiệp và hạ tầng đô thị.

- Đẩy mạnh huy động nguồn lực ngoài ngân sách, hợp tác công tư, xã hội hóa đầu tư; khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, tài nguyên, tài sản công và kết cấu hạ tầng hiện có; thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định, bảo đảm công khai, minh bạch, chống thất thoát, lãng phí. Khuyến khích áp dụng các mô hình tài chính sáng tạo, trong đó có khai thác giá trị tăng thêm từ đất đai gắn với phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD), nhằm tạo nguồn lực tái đầu tư cho phát triển hạ tầng chiến lược.

- Rà soát, sắp xếp, sử dụng hiệu quả trụ sở, tài sản công, quỹ đất công sau sắp xếp đơn vị hành chính; hạn chế tối đa xây dựng mới trụ sở, trung tâm hành

chính khi chưa thật sự cần thiết, ưu tiên cải tạo, nâng cấp, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách; phân bổ vốn gắn với hiệu quả đầu ra, tiến độ thực hiện, khả năng hấp thụ vốn và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Khuyến khích, thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; tập trung thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP). Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, dạy nghề, từ đó huy động thêm nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực.

2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng các chế độ, chính sách về đãi ngộ và thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại Khánh Hòa. Nghiên cứu, xây dựng, triển khai các cơ chế chính sách ưu đãi về nhà ở, môi trường làm việc, điều kiện nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp nhằm thu hút các nhà khoa học, chuyên gia quốc tế, chuyên gia đầu ngành và các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu uy tín mở phân hiệu, cơ sở đào tạo và trung tâm nghiên cứu tại tỉnh.

- Chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, giáo dục nghề. Thường xuyên rà soát, bổ sung các ngành, nghề đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn phát triển. Tập trung xây dựng các chương trình đào tạo nhằm giải quyết khoảng cách kỹ năng, ưu tiên phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho các ngành mũi nhọn như điện hạt nhân, công nghệ hàng hải, trí tuệ nhân tạo (AI), an ninh mạng, năng lượng sạch và công nghệ số. Nâng cao trình độ cán bộ quản lý giáo dục và đào tạo và giảng viên, giáo viên; đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tiếp cận và cập nhật kiến thức thực tiễn. Điều chỉnh, hoàn thiện nội dung đào tạo, giáo trình, gắn kết chặt chẽ nội dung đào tạo, giảng dạy với xu thế phát triển, thành tựu của khoa học công nghệ. Kết hợp linh hoạt giữa lý thuyết và thực hành, hướng đến tăng dần thời gian thực hành. Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp, tổ chức sử dụng lao động.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Huy động mọi nguồn lực trong xã hội để tạo ra sức mạnh tổng hợp trong phát triển nguồn nhân lực. Có chính sách hỗ trợ đào tạo lao động trong doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh.

3. Giải pháp về môi trường

Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường nguồn lực đầu tư cho bảo vệ môi trường, tăng cường nghiên cứu, điều tra phục vụ bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; tăng cường vai trò của người dân trong bảo vệ môi trường. Ưu tiên áp dụng các giải pháp thích ứng dựa vào tự nhiên (NbS), phát triển đô thị bọt biển, quản lý tổng hợp tài nguyên nước và bảo đảm an ninh nguồn nước liên lưu vực nhằm chủ động ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, nước biển dâng và các tác

động của biến đổi khí hậu. Đồng thời, đẩy mạnh số hóa cơ sở dữ liệu môi trường, đất đai, tài nguyên biển và quy hoạch để nâng cao năng lực giám sát, quản lý và điều hành theo thời gian thực.

4. Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Đẩy mạnh đa dạng hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tái cơ cấu các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tỉnh theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, hướng tới mục tiêu tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và chuyển sang các khâu giá trị gia tăng cao hơn. Kích hoạt hệ sinh thái đổi mới sáng tạo gắn với hình thành các trung tâm nghiên cứu biển quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo và “Hành lang Điện toán xanh” nhằm thúc đẩy mô hình tăng trưởng dựa trên năng suất (TFP), khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Tăng cường liên kết, hợp tác giữa các cơ sở nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp trong các giai đoạn từ ý tưởng, nhu cầu nghiên cứu, đến triển khai, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Đẩy mạnh xây dựng hạ tầng dữ liệu số, số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu quy hoạch, đất đai, tài nguyên biển và hệ thống quản lý chuyên ngành để phục vụ quản trị minh bạch, điều hành thông minh và giám sát thực hiện quy hoạch theo thời gian thực.

5. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù do Trung ương, Quốc hội, Chính phủ ban hành về phát triển kinh tế - xã hội nhằm khơi thông, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực phát triển. rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành một số cơ chế, chính sách mới của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực theo hướng thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Đẩy mạnh hợp tác khu vực và quốc gia: Ký kết và triển khai các cơ chế phối hợp, văn kiện hợp tác giữa tỉnh Khánh Hòa với các địa phương vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên để khai thác tiềm năng, thế mạnh, hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Tập trung cụ thể hóa mô hình liên kết “Biển - Cao nguyên” giữa Khánh Hòa và Lâm Đồng, gắn với hành lang kinh tế Đông - Tây nhằm tăng cường kết nối logistics, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao và chuỗi cung ứng liên vùng, từng bước khắc phục tính chia cắt giữa khu vực duyên hải và nội địa. Thúc đẩy kinh tế theo quy mô ở cấp khu vực và tăng cường học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm với nhau.

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế: Tận dụng các cơ hội và lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết với các nước, vùng lãnh thổ trên thế giới, đặc biệt là các FTA thế hệ mới để đẩy mạnh xúc tiến, xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa tiêu biểu của tỉnh. Tích cực mở rộng quan hệ hợp tác chiến lược, lâu dài, nâng cao vị thế của tỉnh với các địa phương, tập đoàn kinh tế và các tổ chức tài chính quốc tế.

- Thiết lập cơ chế phối hợp phát triển không gian liên xã, liên vùng nhằm bảo đảm sự hỗ trợ chức năng giữa ba cực tăng trưởng Vân Phong, Nha Trang - Cam Ranh và Phan Rang - Cà Ná; tăng cường liên kết chuỗi giá trị về công nghiệp, năng lượng, logistics, dịch vụ và đổi mới sáng tạo, qua đó hình thành cấu trúc phát triển đa cực, liên kết chặt chẽ và có tính lan tỏa cao trong toàn tỉnh.

6. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Áp dụng các mô hình phát triển đô thị để nâng cao hiệu quả phát triển đô thị của tỉnh như mô hình đô thị thông minh, đô thị xanh, đô thị sinh thái... Tăng cường áp dụng phương pháp phát triển theo định hướng giao thông công cộng (TOD) trong quy hoạch phát triển đô thị. Quản lý chặt chẽ quá trình mở rộng đô thị theo hướng đô thị nén, bền vững, hạn chế phát triển dàn trải, sử dụng đất kém hiệu quả; đồng thời bảo vệ cảnh quan ven biển, hành lang sinh thái, không gian xanh và vùng đệm sinh thái nông thôn. Giữ gìn bản sắc văn hóa, kiến trúc, cảnh quan đô thị và nông thôn.

- Kịp thời quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu đa ngành của các sở, ngành theo hướng số hóa, sử dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) tạo điều kiện phối hợp hiệu quả giữa các sở, ngành trong quản lý, cải tạo, chỉnh trang và phát triển kết cấu hạ tầng, quy hoạch đô thị. Tăng cường giám sát, kiểm soát chặt chẽ các vùng bảo vệ môi trường, vùng lõi các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực nhạy cảm sinh thái và quỹ đất chiến lược phục vụ quốc phòng - an ninh, đặc biệt tại đặc khu Trường Sa và Vịnh Cam Ranh.

7. Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch

- Kịp thời công bố, công bố công khai quy hoạch và lập kế hoạch thực hiện quy hoạch. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch; kịp thời phát hiện các vấn đề để tổng hợp, nghiên cứu và điều chỉnh cho phù hợp. Quản lý chặt chẽ quy hoạch, kiến trúc công trình thông qua hồ sơ dự án, thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng và cấp giấy phép xây dựng công trình. Đối với các công trình lớn, trọng điểm, cần thực hiện theo hình thức kiểm tra để lựa chọn phương án kiến trúc phù hợp, đảm bảo tính thẩm mỹ và hiệu quả.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định; lưu trữ, lưu giữ hồ sơ của đồ án quy hoạch theo quy định pháp luật. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, giới thiệu, quảng bá tiềm năng, lợi thế của địa phương đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước; tập trung kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm.

- Xây dựng kế hoạch hành động, thường xuyên cập nhật, điều chỉnh, bổ sung để cụ thể hóa các nội dung quy hoạch tỉnh thành kế hoạch 5 năm và hàng năm bảo đảm thống nhất giữa các cấp chính quyền; định kỳ đánh giá, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Xử lý các nội dung sai phạm của các dự án được rà soát (nếu có) theo các quy định pháp luật về quy hoạch, đấu thầu, đầu tư, đất đai, nhà ở, môi trường, lâm nghiệp, tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các pháp luật khác có liên quan

(theo các kết luận thanh tra, kiểm tra của cấp có thẩm quyền), đảm bảo không hợp thức hóa các sai phạm.

8. Giải pháp bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương, cùng với các chỉ thị, kế hoạch, chương trình hành động của tỉnh về nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương. Thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; giảm chồng chéo, trùng lặp gây bất tiện cho người dân và doanh nghiệp.

9. Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

- Tăng cường cải cách hành chính, tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, đẩy mạnh chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến; đổi mới, hoàn thiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Cải cách bộ máy hành chính nhà nước theo hướng tinh gọn, loại bỏ triệt để tình trạng trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; hệ thống dịch vụ công dân, thực thi nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao hiệu quả thời gian làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Khánh Hòa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tuân thủ quy định pháp luật, không hợp thức hóa sai phạm trước khi phê duyệt theo thẩm quyền; việc hoàn thiện hồ sơ không làm thay đổi các nội dung chủ yếu, định hướng lớn và nội dung cốt lõi đã được HĐND tỉnh thông qua.

c) Hoàn thiện hệ thống phụ lục, sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch, bảo đảm thống nhất với nội dung Quy hoạch tỉnh được phê duyệt; thực hiện số hóa, cập nhật, tích hợp vào Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch theo quy định.

d) Tổ chức công bố, công khai và triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh theo đúng quy định của pháp luật; xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện quy hoạch.

đ) Trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, chủ động rà soát các nhiệm vụ, chương trình, dự án; kịp thời đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định của pháp luật và yêu cầu phát triển của tỉnh..

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa khóa VIII, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Kỳ họp chuyên đề thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, NH.

CHỦ TỊCH



Lâm Đông